

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 19 ra ngày 12/5/2025

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Thông tin

Xuất nhập khẩu

655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Bộ phận biên tập:

ĐD: 0986836889

Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:

Tel: (024) 37152586

(024) 37152585

(024) 37152584

Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	5
Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản tăng mạnh	5
Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tăng khá	10
Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....	12
Nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun tăng 59,4% về lượng	16
Quý I/2025, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ tăng mạnh	18
Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....	21
Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....	23
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
Hiệp hội những nhà xuất khẩu nội thất Pháp yêu cầu hành động khẩn cấp chống cạnh tranh không lành mạnh	25
Thuế suất cao buộc ngành công nghiệp đồ nội thất của Trung Quốc phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và nâng cấp trong dài hạn....	26
THAM KHẢO	26
Thông báo về việc triển khai cấp C/O mẫu A, C/O mẫu B, C/O không ưu đãi theo quy định của nước nhập khẩu, C/O mẫu GSTP, CNM và tiếp nhận đăng ký mã số REX.....	26
Mời doanh nghiệp tham dự Hội chợ thương mại Việt - Lào 2025	27

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Các thông tin công bố gần đây các nền kinh tế lớn trên thế giới có những biến động không đồng nhất. Theo đó, kinh tế Mỹ quý I/2025 giảm, ngược lại kinh tế Eurozone phục hồi mạnh mẽ. Trong khi đó, hoạt động kinh tế khu vực tư nhân tại Trung Quốc tháng 4/2025 tăng trưởng chậm lại.

Tại Mỹ: Theo Bộ Thương mại nước này, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ quý I/2025 giảm 0,3%. Sự sụt giảm của GDP trong quý I/2025 tại Mỹ chủ yếu do nhập khẩu tăng mạnh, chi tiêu chính phủ giảm và tiêu dùng chững lại. Kim ngạch nhập khẩu của Mỹ quý I/2025 tăng tới 41,3%, với mức tăng 50,9% của hàng hoá, trong khi xuất khẩu tăng 1,8%. Kết quả là nhập khẩu khiến tăng trưởng GDP giảm hơn 5 điểm phần trăm. Chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ vẫn tăng trưởng, nhưng đã chậm lại trong 3 tháng đầu năm 2025. Cụ thể, chi tiêu tiêu dùng cá nhân tăng 1,8%, mức tăng hàng quý thấp nhất kể từ quý II/2023 và thấp hơn so với mức tăng 4% của quý IV/2024. Trong khi đó, đầu tư tư nhân trong nước tăng 21,9% trong quý I/2025 nhờ đầu tư cho trang thiết bị tăng mạnh 22,5%. Báo cáo là số liệu ước tính sơ bộ, nên có khả năng sẽ được điều chỉnh trong các tháng tới. Do đó, dù GDP âm nhưng chưa đồng nghĩa với sự suy thoái, nhưng điều này cũng đặt ra dấu hỏi với triển vọng kinh tế của Mỹ trong thời gian tới.

Trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ đang phát tín hiệu suy yếu và chính sách thương mại của chính quyền Tổng thống Donald Trump tiếp tục gây ra làn sóng bất ổn, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản trong cuộc họp tháng 5. Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) tiếp tục duy trì lãi suất trong khoảng 4,25% - 4,5%, mức này đã được giữ ổn định từ tháng 12/2024.

Tại Trung Quốc: Chỉ số PMI tổng hợp chung của Caixin Trung Quốc giảm xuống 51,1 vào tháng 4/2025 từ 51,8 vào tháng 3/2025, mức thấp nhất kể từ đầu năm trong bối cảnh cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, chỉ số trên 50 cho thấy hoạt động của khu vực tư nhân tại Trung Quốc tăng trưởng tháng thứ 18 liên tiếp. Trong đó, chỉ số PMI lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc tháng 4/2025 giảm xuống 50,7, từ mức cao nhất trong 3 tháng là 51,9 của tháng 3/2025 và thấp hơn dự báo là 51,7. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất trong lĩnh vực dịch vụ kể từ tháng 9/2024, do ảnh hưởng bởi sự gián đoạn trong thương mại hàng hóa trong bối cảnh thuế quan mới của Mỹ. Chỉ số PMI sản xuất chung của Caixin Trung Quốc tháng 4/2025 cũng giảm xuống 50,4, thấp hơn so với mức cao nhất trong 4 tháng là 51,2 của tháng 3/2025, nhưng lại cao hơn mức dự báo 49,8. Đây là tháng thứ 7 liên tiếp lĩnh vực sản xuất tại Trung Quốc tăng trưởng, cho thấy các biện pháp kích thích của Bắc Kinh vẫn đang hỗ trợ cho sự phục hồi kinh tế, mặc dù chỉ là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ tháng 1/2025.

Tại châu Âu: Nền kinh tế khu vực đồng Euro đã có sự phục hồi mạnh hơn dự báo trong quý đầu tiên của năm 2025. Theo Eurostat, trong quý I/2025, GDP của Eurozone tăng trưởng 0,4% so với quý IV/2024, cao hơn mức dự báo tăng 0,2%. Theo các chuyên gia, GDP tại khu vực tăng cao hơn dự báo là nhờ việc các doanh nghiệp Mỹ đã đẩy mạnh mua hàng hóa châu Âu trước thời điểm các mức thuế quan mới của Mỹ chính thức có hiệu lực. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng, tăng trưởng kinh tế tại khu vực sẽ chậm lại đáng kể trong 6 tháng tới vì ảnh hưởng từ mức thuế quan của Mỹ được áp dụng từ tháng 4/2025. Trong dự báo mới nhất, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng hàng năm đối với Eurozone xuống còn 0,8% vào năm 2025, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước đó, do lo ngại căng thẳng thương mại với Mỹ sẽ gây tổn hại cho nền kinh tế khu vực.

2. Kinh tế Việt Nam

Bất chấp tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; nguy cơ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

rủi ro, bất ổn tăng cao do chính sách thuế quan đột ngột của Mỹ, kinh tế Việt Nam tháng 4/2025 tiếp tục duy trì đà phát triển tích cực với các điểm sáng từ hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Cụ thể:

- **Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực:** Theo Cục Thống kê, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2025 ước tính tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, IIP ước tính tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn mức tăng 6,3% của cùng kỳ năm 2024). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,1%, đóng góp 8,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,1%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,2%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 4,5%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm.

- **Tiêu dùng trong nước tiếp tục cải thiện:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 4/2025 ước đạt 582,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.285,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,6%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,7% (cùng kỳ năm 2024 tăng 5,4%).

- **Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng khả quan:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2025 đạt 74,32 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 276,89 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 13,0%; nhập khẩu tăng 18,6%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,79 tỷ USD. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng cao hơn so với mức tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Theo đó, trong 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 40,74 tỷ USD, tăng 18,1%, chiếm 29,0% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 99,6 tỷ USD, tăng 11,0%, chiếm 71,0%.

- **Chỉ số giá tiêu dùng vẫn trong tầm kiểm soát:** Theo Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2025 tăng 0,07% so với tháng trước; tăng 1,37% so với tháng 12/2024 và tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước.

- **Thu hút vốn đầu tư nước ngoài tích cực:** Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính), tính đến ngày 30/4/2025, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 13,82 tỷ USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút vốn đăng ký mới với 3,39 tỷ USD (chiếm 60,6%), tiếp theo là hoạt động kinh doanh bất động sản thu hút vốn 1,51 tỷ USD (chiếm 26,9%). Vốn FDI thực hiện trong 4 tháng đầu năm ước đạt 6,74 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước và là con số giải ngân cao nhất trong 4 tháng đầu năm của giai đoạn 5 năm gần đây.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 4/2025 đạt 1,45 tỷ USD, giảm 1,8% so với tháng 3/2025, nhưng tăng 5,4% so với tháng 4/2024; trong đó kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 978 triệu USD, giảm 3,6% so với tháng 3/2025, nhưng tăng 3,2% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,4 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó kim ngạch xuất

khẩu sản phẩm gỗ đạt 3,7 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2024.

- Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 4/2025 đạt 181,7 triệu USD, tăng 44% so với 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản đạt 690,4 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 4/2025 đạt 181,7 triệu USD, tăng 44% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản đạt 690,4 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong kỳ từ ngày 22/4/2025 đến ngày 6/5/2025 đạt 625,5 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 392 triệu USD.
- Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 247 triệu USD, giảm 5,6% so với tháng 3/2025, nhưng tăng 6,2% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ về Việt Nam đạt 915,1 triệu USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm 2024.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 4/2025 ước đạt 23,8 nghìn m³, trị giá 8,7 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 3/2025; tuy nhiên so với tháng 4/2024 giảm 43,5% về lượng và giảm 43,6% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 117,1 nghìn m³, trị giá 42,5 triệu USD, tăng 23,9% về lượng và tăng 18,4% về trị giá so với năm 2024.
- Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 3/2025 đạt 68,73 nghìn m³, với trị giá 29,97 triệu USD, tăng 13,2% về lượng và tăng 20,3% về trị giá so với tháng 02/2025; tăng 0,5% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt 191,47 nghìn m³, với trị giá 78,65 triệu USD, tăng 34,1% về lượng và tăng 28,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 124,3 triệu USD.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 15/4/2025 đến 6/5/2025 đạt 51,59 triệu USD, tăng mạnh 40,8% so với kỳ trước (từ 01/4/2025 đến 15/4/2025).

QUỐC TẾ:

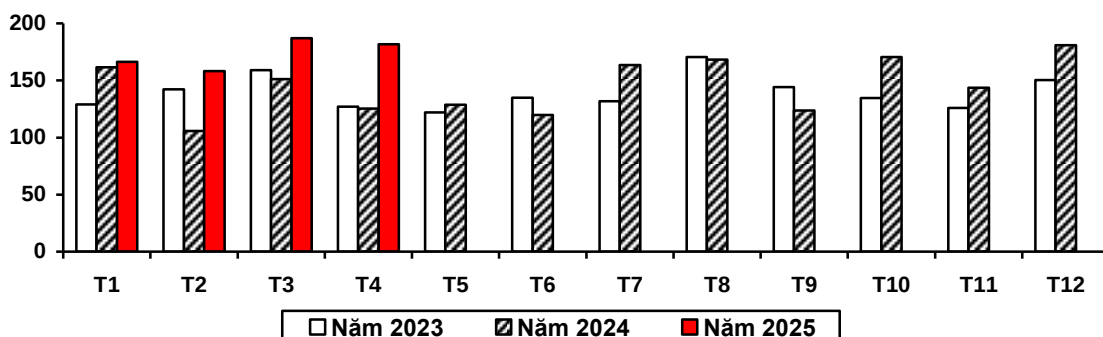
- **Pháp:** Hiệp hội những nhà xuất khẩu nội thất Pháp (Ameublement français), đang lo ngại về việc thiếu hỗ trợ cho ngành đồ nội thất đang gặp khó khăn. Hiệp hội nhấn mạnh rằng trong khi các nhà sản xuất trong nước tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt, thì thị trường ngày càng tràn ngập các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ và các sản phẩm này thường bỏ qua các quy định và gây nguy hiểm cho sự an toàn của người tiêu dùng.
- **Trung Quốc:** Thuế suất cao buộc ngành công nghiệp đồ nội thất của Trung Quốc phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và nâng cấp trong dài hạn. Trước đây, đồ nội thất Trung Quốc chiếm thị phần nhờ chi phí thấp và sản lượng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và đa dạng hóa thị trường sẽ trở thành chìa khóa thành công của ngành công nghiệp đồ nội thất.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản tăng mạnh

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 4/2025 đạt 181,7 triệu USD, tăng 44% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản đạt 690,4 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản năm 2023 - 2025 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đóng góp quan trọng vào tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành. Hầu hết các mặt hàng đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan, trừ đồ nội thất bằng gỗ, cửa gỗ và khung gương. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là gỗ viên nén đạt 190,5 triệu USD, tăng 61,6% so với cùng kỳ năm 2024; tiếp theo là dăm gỗ đạt 160,7 triệu USD, tăng 7,9%; đồ nội thất bằng gỗ đạt 100,4 triệu USD, giảm 3,9%; gỗ, ván và ván sàn đạt 40,8 triệu USD, tăng 2,5%...

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, gỗ viên nén và dăm gỗ là 2 mặt hàng xuất khẩu chính, chiếm 68,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhu cầu đối với 2 mặt hàng này tại Nhật Bản đều trong xu hướng tăng. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, trong 3 tháng đầu năm 2025 nhập khẩu mã HS 4401 của Nhật Bản đạt 4,7 triệu tấn, trị giá 134,9 tỷ Yên (tương đương 941,6 triệu USD), tăng 8,8% về lượng và tăng 7,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Nhật Bản tăng mạnh nhập khẩu từ Việt Nam, đạt 2,4 triệu tấn, trị giá 66,1 tỷ Yên (tương đương 461,4 triệu USD), tăng 30,8% về lượng và tăng 36,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 51,5% tổng trị giá nhập khẩu dăm gỗ và gỗ viên nén của Nhật Bản; tiếp theo là nhập khẩu từ thị trường Australia, Thái Lan, Canada... Năm 2025, một số nhà máy điện sinh khối lớn tại Nhật Bản sẽ khởi động. Các nhà máy điện này chủ yếu sử dụng viên gỗ làm nhiên liệu, theo đó nhu cầu đối với gỗ viên nén và dăm gỗ có xu hướng tăng tại Nhật Bản. Tuy nhiên, Nhật Bản yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu phải có chứng chỉ quản lý rừng bền vững như FSC hoặc PEFC. Do đó, các doanh nghiệp cần chú trọng đến việc tuân thủ các tiêu chuẩn này để duy trì và mở rộng thị phần tại thị trường Nhật Bản.

Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành gỗ, vì vậy đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Nhật Bản sẽ góp phần thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng khả quan. Tại thị trường Nhật Bản, nhu cầu đối với đồ nội thất bằng gỗ vẫn có xu hướng tăng. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, trong 3 tháng

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

đầu năm 2025, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản đạt 170,8 nghìn tấn, trị giá 77,2 tỷ Yên (tương đương 538,4 triệu USD), tăng 5,4% về lượng và tăng 8,9% về trị giá so cùng kỳ năm 2024. Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Nhật Bản, chiếm 54,7% tổng trị giá nhập khẩu, đạt 93,3 nghìn tấn, trị giá 41,2 tỷ Yên (tương đương 287,6 triệu USD) trong 3 tháng đầu năm 2025, tăng 7,3% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; tiếp theo là thị trường Việt Nam đạt 37,4 nghìn tấn, trị giá 16,1 tỷ Yên (tương đương 112,3 triệu USD), tăng 0,9% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 21,9% tổng trị giá nhập khẩu.

Triển vọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang Nhật Bản rất khả quan, vì đây là thị trường có dân số đông, thu nhập bình quân đầu người cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ nhập khẩu đồ nội thất phòng khách, phòng ăn, ghế khung gỗ, đồ nội thất văn phòng từ Việt Nam vào Nhật Bản còn thấp, còn nhiều dư địa để khai thác. Để đẩy mạnh xuất khẩu sang Nhật Bản, doanh nghiệp cần khảo sát, nắm bắt tâm lý, xu hướng tiêu dùng của người dân để có kế hoạch phù hợp. Theo Tạp chí Home Living World (Nhật Bản) chuyên cung cấp thông tin về ngành gỗ, sở thích mua đồ nội thất bằng gỗ tại Nhật Bản tập trung nhiều vào sự tiện lợi và phù hợp, hơn là thương hiệu. Ngoài ra, người dân Nhật Bản cũng như các nhà sản xuất, thương nhân mở cửa hàng trực tiếp để giới thiệu và bán sản phẩm, do đó các đối tác xuất khẩu cần hiểu rõ đặc điểm và xu hướng tiêu dùng để đưa ra lựa chọn và tìm kiếm khách hàng phù hợp. Người Nhật có xu hướng xây dựng không gian sống bằng gỗ để gần gũi với thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tốt cho sức khỏe. Người Nhật ngày càng có xu hướng sống trong những ngôi nhà gỗ và căn hộ có nội thất bằng gỗ.

Mặc dù còn nhiều dư địa xuất khẩu, nhưng Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít áp lực cạnh tranh từ các nước có vị trí địa lý tương đồng như Trung Quốc, Malaysia, Indonesia... Cùng với đó, Nhật Bản là một trong những thị trường có quy định nhập khẩu khắt khe nhất thế giới. Trong khi đó, nhiều sản phẩm của Việt Nam chưa đảm bảo tính ổn định, đồng đều về chất lượng và còn hạn chế về hình thức, mẫu mã, chủng loại, không chú trọng xây dựng hình ảnh sản phẩm và thương hiệu. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro, các doanh nghiệp cần có kế hoạch kinh doanh có hệ thống, dài hạn đối với thị trường Nhật Bản. Đồng thời, đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản tháng tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	Tháng 3/2025 (nghìn USD)	So với tháng 3/2024 (%)	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	187.191	23,2	510.959	21,8	100,0	100,0
Gỗ viên nén	68.470	48,0	190.500	61,6	37,3	28,1
Dăm gỗ	60.418	25,3	160.730	7,9	31,5	35,5
Đồ nội thất bằng gỗ	35.315	-6,8	100.392	-3,9	19,6	24,9
Ghế khung gỗ	10.605	-1,2	30.890	0,9	6,0	7,3
Đồ nội thất phòng ngủ	8.228	0,3	23.425	-0,9	4,6	5,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	7.766	-13,0	21.399	-9,2	4,2	5,6
Đồ nội thất nhà bếp	5.930	-11,9	17.044	1,2	3,3	4,0
Đồ nội thất văn phòng	2.787	-15,9	7.634	-21,9	1,5	2,3
Gỗ, ván và ván sàn	14.760	3,1	40.814	2,5	8,0	9,5
Đồ gỗ mỹ nghệ	74	205,8	352	223,7	0,1	0,0

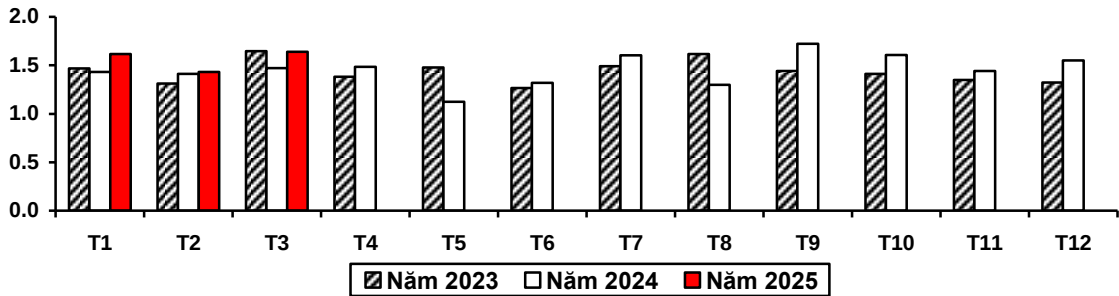
Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Tháng 3/2025 (nghìn USD)	So với tháng 3/2024 (%)	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Cửa gỗ	5	-93,4	29	-83,3	0,0	0,0
Khung gương	3	484,7		-82,1	0,0	0,0

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Số liệu nhập khẩu của Nhật Bản

Lượng nhập khẩu mã HS 4401 (bao gồm cả dăm gỗ và viên nén gỗ...) của Nhật Bản năm 2022 – 2024 (ĐVT: Triệu tấn)



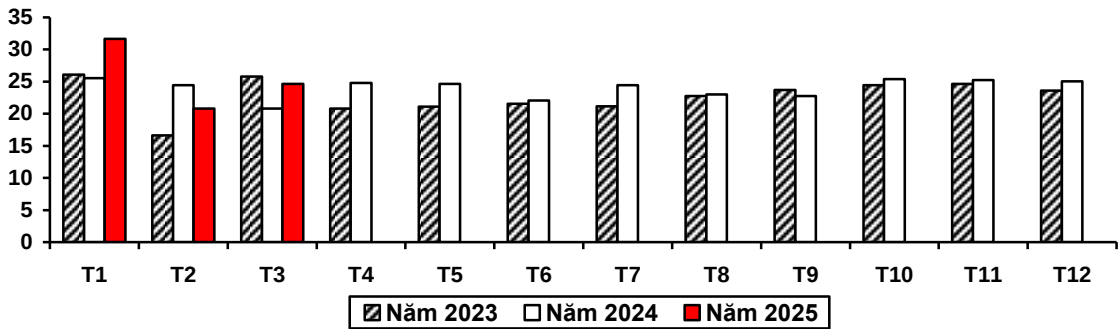
Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Nhật Bản nhập khẩu các sản phẩm mã HS 4401 (bao gồm cả dăm gỗ và viên nén gỗ...) từ các thị trường 3 tháng năm 2025

Thị trường	3 tháng năm 2025					So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (Yên/tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	4.689.288	134.938.823	941.587	28.776,0	200,8	8,8	7,7	-1,0	100,0	100,0
Việt Nam	2.415.634	66.126.420	461.422	27.374,4	191,0	30,8	36,1	4,0	51,5	42,8
Australia	450.285	14.491.426	101.119	32.182,8	224,6	9,9	6,5	-3,1	9,6	9,5
Thái Lan	292.628	7.714.058	53.828	26.361,3	183,9	-3,1	5,5	8,8	6,2	7,0
Canada	286.813	9.732.504	67.912	33.933,3	236,8	10,9	17,6	6,0	6,1	6,0
Indonesia	243.302	6.446.093	44.980	26.494,2	184,9	6,9	2,3	-4,3	5,2	5,3
Nam Phi	242.118	7.566.036	52.795	31.249,4	218,1	6,0	7,3	1,2	5,2	5,3
Mỹ	242.108	6.961.046	48.573	28.751,8	200,6	-55,8	-61,8	-13,4	5,2	12,7
Chile	234.733	7.642.433	53.328	32.558,0	227,2	10,9	2,7	-7,4	5,0	4,9
Malaysia	167.003	4.591.426	32.038	27.493,1	191,8	74,0	77,6	2,1	3,6	2,2
New Zealand	85.896	2.673.949	18.658	31.130,1	217,2	19,6	3,6	-13,4	1,8	1,7
Phigi	20.452	555.185	3.874	27.145,8	189,4	-13,2	-18,5	-6,2	0,4	0,5
Trung Quốc	4.814	231.517	1.615	48.092,4	335,6	596,7	127,5	-67,3	0,1	0,0
Philippine	1.244	14.423	101	11.594,1	80,9	4,4	-0,1	-4,3	0,0	0,0
Anh	645	49.893	348	77.353,5	539,8	33,0	34,9	1,4	0,0	0,0
Pháp	495	42.898	299	86.662,6	604,7	-16,9	-14,6	2,9	0,0	0,0
Bồ Đào Nha	340	31.037	217	91.285,3	637,0	139,4	135,6	-1,6	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản - Tỷ giá: 1 USD = 143,31 Yên

Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản năm 2023 - 2025
(ĐVT: Tỷ Yên)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Mặt hàng đồ nội thất gỗ bằng gỗ Nhật Bản nhập khẩu 3 tháng năm 2025

Mặt hàng	3 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	170.779	77.158.570	538.403	5,4	8,9	100,0	100,0
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	90.410	35.601.448	248.423	4,1	7,0	52,9	53,6
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	34.239	10.800.640	75.366	5,6	9,7	20,0	20,0
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	32.880	24.590.978	171.593	7,5	10,0	19,3	18,9
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	11.029	5.296.680	36.960	11,3	18,4	6,5	6,1
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	2.221	868.824	6.063	-3,6	-6,0	1,3	1,4

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản - Tỷ giá: 1 USD = 143,31 Yên

Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường 3 tháng năm 2025

Thị trường	3 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	170.779	77.158.570	538.403	5,4	8,9	100,0	100,0
Trung Quốc	93.332	41.219.081	287.622	7,3	10,3	54,7	53,7
Việt Nam	37.402	16.088.801	112.266	0,9	3,9	21,9	22,9
EU	1.893	4.645.420	32.415	18,6	4,5	1,1	1,0
Ba Lan	527	315.544	2.202	8,6	13,3	0,3	0,3
Italia	424	2.009.024	14.019	25,6	34,8	0,2	0,2
Đan Mạch	225	749.791	5.232	-0,1	-2,8	0,1	0,1
Đức	190	519.933	3.628	30,1	14,7	0,1	0,1
Litva	153	64.036	447	127,5	106,7	0,1	0,0
Slovakia	64	50.924	355	88,1	67,2	0,0	0,0
Hà Lan	38	53.553	374	14,1	-20,1	0,0	0,0
Pháp	28	334.432	2.334	-15,3	-55,5	0,0	0,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	3 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tây Ban Nha	27	107.454	750	0,3	18,0	0,0	0,0
Estonia	22	32.088	224	135,4	124,2	0,0	0,0
Phần Lan	19	74.911	523	8,7	7,2	0,0	0,0
Slovenia	17	30.999	216	18,8	-42,8	0,0	0,0
Bồ Đào Nha	17	44.700	312	376,4	474,4	0,0	0,0
Bungari	15	23.863	167	0,0	-38,6	0,0	0,0
Bỉ	13	26.937	188	-16,5	3,2	0,0	0,0
...							
Malaysia	17.686	4.072.785	28.419	1,0	3,6	10,4	10,8
Indônêsia	7.395	2.872.558	20.044	33,4	22,7	4,3	3,4
Thái Lan	5.472	1.936.734	13.514	-19,8	-7,5	3,2	4,2
Philippine	5.309	4.073.722	28.426	24,2	22,8	3,1	2,6
Đài Loan	1.581	867.476	6.053	-3,6	-5,0	0,9	1,0
Anh	222	308.460	2.152	56,4	45,7	0,1	0,1
Campuchia	201	228.410	1.594	20,9	34,6	0,1	0,1
Hàn Quốc	123	314.856	2.197	141,3	205,2	0,1	0,0
Ấn độ	71	90.818	634	6,3	-4,1	0,0	0,0
Na Uy	28	109.756	766	90,4	94,8	0,0	0,0
Mỹ	24	173.263	1.209	-49,9	-30,6	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	8	10.650	74	-24,3	32,9	0,0	0,0
Canada	6	21.143	148	-69,1	45,1	0,0	0,0
Các TVQ Ả Rập thống nhất	6	20.091	140	3501,9	2475,8	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản - Tỷ giá: 1 USD = 143,31 Yên

**Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản
đạt kim ngạch cao tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2025**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 3/2025 (Nghìn USD)	3 tháng năm 2025 (Nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	9.822	31.008
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	9.971	27.214
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	12.561	23.137
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	7.141	17.652
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN MỸ	6.917	17.394
CTY CỔ PHẦN CĂNG THÁI HƯNG	3.798	15.776
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN PISICO QUẢNG NAM	6.682	15.088
CTY CỔ PHẦN NETMA	4.386	10.015
CTY CỔ PHẦN EASTWOOD ENERGY	2.475	9.922
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CẢI LÂN	3.434	9.514
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	2.790	9.154
CTY TNHH NÔNG TRẠI XANH	3.943	8.697
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LONG HẢI PHÁT	3.982	8.413

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

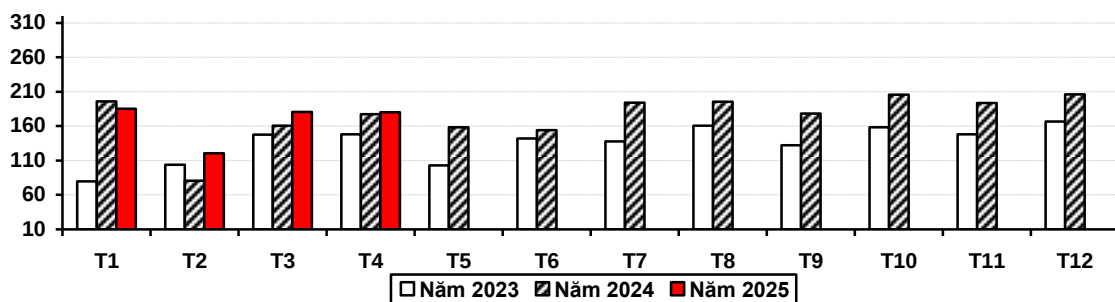
Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 3/2025 (Nghìn USD)	3 tháng năm 2025 (Nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN THÀNH NGÂN	1.523	8.332
CTY TNHH NĂNG LƯỢNG SINH HỌC TÍN NHẬN	0	6.881
CTY TNHH PHÚ AN	3.335	6.716
CTY TNHH EIDAI VIỆT NAM	2.464	6.710
CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NAM VÂN PHONG	3.279	6.608
CTY CỔ PHẦN MDF Ý MỸ	1.790	6.295
CTY TNHH LIÊN DOANH CÁT PHÚ QUẢNG NINH	2.324	6.121
CTY CỔ PHẦN SX VÀ THƯƠNG MẠI GỖ THANH CHƯƠNG	1.480	6.069
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT VŨNG ÁNG	0	6.017
CTY TNHH THANH HÒA	0	5.936
CTY TNHH CHẾ BIẾN DẪM GỖ ĐẠI THẮNG	2.878	5.883
CTY TNHH SHAIYO AA VIỆT NAM	2.798	5.343
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU PISICO HUẾ	2.810	5.337
CTY CỔ PHẦN ĐỒNG NAI	1.152	5.127

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tăng khá

Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tháng 4/2025 xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 180 triệu USD, tăng 1,5% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 666,6 triệu USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2025 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Thống kê từ số liệu của Cục Hải quan và số liệu sơ bộ tháng 4/2025

Tình hình chính trị và kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng đến thị trường hàng hóa, trong đó có đồ nội thất phòng ngủ. Do đó, mặc dù xuất khẩu đạt được kết quả tích cực trong những tháng đầu năm 2025, nhưng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong thời gian tới, cụ thể:

Các rào cản thương mại mới, như việc Mỹ xem xét áp thuế cao đối với hàng hóa Việt Nam, có thể gây áp lực lớn lên các doanh nghiệp xuất khẩu.

Lạm phát và suy giảm sức mua tại các thị trường chủ lực như Mỹ và châu Âu khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, ảnh hưởng đến nhu cầu đồ nội thất không thiết yếu như đồ nội thất phòng ngủ.

Việt Nam đang phải cạnh tranh gay gắt với các quốc gia sản xuất nội thất lớn như Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, nơi có chuỗi cung ứng gỗ mạnh và chi phí sản xuất thấp.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Các thị trường như Mỹ, EU, Nhật Bản ngày càng siết chặt các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, chứng nhận gỗ hợp pháp (FSC), khí thải carbon và thiết kế bền vững.

Doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư mạnh hơn vào chuyển đổi xanh, trong khi năng lực tài chính và công nghệ của nhiều cơ sở sản xuất còn hạn chế.

Để vượt qua các thách thức này, các doanh nghiệp nội thất Việt Nam cần chủ động đa dạng hóa thị trường, đầu tư vào nghiên cứu phát triển, nâng cao năng lực thiết kế, tự động hóa sản xuất và xây dựng thương hiệu.

Trong 3 tháng đầu năm 2025, các mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu đều có tốc độ tăng trưởng tích cực, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là giường và bộ phận giường đạt 260,8 triệu USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2024; tiếp theo là tủ đạt 131,3 triệu USD, tăng 17,7%; tủ đầu giường đạt 52,3 triệu USD, tăng 45,7%; tủ áo đạt 13 triệu USD, tăng 79% ; bàn trang điểm đạt 10,3 triệu USD, tăng 11,7%...

Mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	Tháng 3/2025 (nghìn USD)	So với tháng 3/2024 (%)	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	180.428	12,5	486.403	11,6	100,0	100,0
Giường	94.832	0,8	260.780	2,3	53,6	58,5
Tủ	50.032	20,4	131.340	17,7	27,0	25,6
Tủ đầu giường	19.696	54,7	52.254	45,7	10,7	8,2
Tủ áo	5.098	92,5	12.951	79,0	2,7	1,7
Bàn trang điểm	4.091	49,1	10.292	11,7	2,1	2,1
Bàn	3.801	20,7	10.417	38,0	2,1	1,7
Kệ	979	49,1	2.551	54,5	0,5	0,4
Nội	471	-73,0	1.798	-62,3	0,4	1,1
Móc áo	508	2,6	1.378	1,6	0,3	0,3
Ghế	138	449,5	248	-9,2	0,1	0,1
Rương	33	-44,8	116	-42,9	0,0	0,0
Sập	55	-9,7	96	-28,7	0,0	0,0
Gương	40	-71,6	67	-72,2	0,0	0,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ trong 3 tháng đầu năm 2025, chiếm 79% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 486,4 triệu USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản 23,4 triệu USD, giảm 0,9%; Canada đạt 15,4 triệu USD, tăng 29%; Anh đạt 12,6 triệu USD, tăng 29,9%; EU đạt 10,9 triệu USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Thị trường xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 3/2025 (nghìn USD)	So với tháng 3/2024 (%)	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	180.428	12,5	486.403	11,6	100,0	100,0
Mỹ	142.457	10,9	384.402	10,3	79,0	79,9
Nhật Bản	8.228	0,3	23.425	-0,9	4,8	5,4
Canada	5.826	34,4	15.381	29,0	3,2	2,7
Anh	4.141	11,2	12.570	29,9	2,6	2,2
EU	3.756	-20,5	10.907	-1,7	2,2	2,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 3/2025 (nghìn USD)	So với tháng 3/2024 (%)	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Hà Lan	1.110	-7,3	3.031	13,7	0,6	0,6
Pháp	635	-36,4	2.700	1,4	0,6	0,6
Ái Len	850	54,9	2.117	62,9	0,4	0,3
Bỉ	354	-60,5	991	-53,9	0,2	0,5
Tây Ban Nha	460	161,4	929	73,1	0,2	0,1
Đức	268	-63,1	884	-37,5	0,2	0,3
Đan Mạch	35	116,5	71	174,8	0,0	0,0
...						
Hàn Quốc	2.999	12,5	8.979	23,4	1,8	1,7
Australia	2.492	25,0	5.843	-12,3	1,2	1,5
Puerto Rico	706	55,4	1.731	75,2	0,4	0,2
Mexico	951	325,1	1.406	51,8	0,3	0,2
Đài Loan	474	-15,3	1.339	-9,4	0,3	0,3
Ả Rập Xê út	369	39,6	1.237	50,7	0,3	0,2
New Zealand	370	-32,3	953	-19,6	0,2	0,3
Trung Quốc	542	-1,0	911	-30,1	0,2	0,3
Singapore	246	61,9	751	79,9	0,2	0,1
Các TVQ Ả Rập thống nhất	254	0,0	641	-38,3	0,1	0,2
Malaysia	290	492,9	506	64,0	0,1	0,1
Chilê	73	-51,6	430	-6,2	0,1	0,1
Trinidad & Tobago	112	745,1	291	485,7	0,1	0,0
Ixraen	54	-60,8	247	-52,3	0,1	0,1
Philipine	155	588,5	229	255,5	0,0	0,0

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong kỳ từ ngày 22/4/2025 đến ngày 6/5/2025 đạt 625,5 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 392 triệu USD.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong kỳ như: Mỹ đạt 321,5 triệu USD; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 12,1 triệu USD; Canada đạt 9,3 triệu USD Anh đạt 8,1 triệu USD...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Giường bb-t460441 (1110*2120*1760)mm.màu 1814bk.sp gỗ linh sam.	Bộ	2	314,0	Cát Lái
	Ghế sofa byron bay 220 - fixed - range l2 khung gỗ óc chó chân sắt (w2200xd800xh740)	Cái	1	810,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 30209-004 (750x1800x950mm)	Cái	15	268,0	Cát Lái
	Tủ áo gỗ xà cừ size: 2402 x 642 x 2120 mm.	Cái	7	258,0	Cát Lái
	Kệ 5 ngăn 3 hộc kéo (1850 *805 *550)mm gỗ linh sam và ván mdf	Cái	10	126,0	Cát Lái
Đan Mạch	Ghế sofa 4-seater gỗ thông và ván ép, bọc vải, đã nhồi đệm, có chân và khung ghế gỗ sồi (oak), qc: 318*96*79 cm.	Bộ	1	511,5	Cát Lái
	Kệ tầng, kích thước (110x35x147.7)cm gỗ sồi	Cái	30	142,9	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ dùng trong phòng khách gỗ mdf phủ veneer và gỗ sồi, kt:100*52*h180 cm	Cái	6	393,7	Lạch Huyện
	Bàn gỗ sồi và gỗ mdf phủ veneer , kt:150*38*h90	Cái	30	152,4	Lạch Huyện
Đức	Bàn gỗ cao su, kích thước (303x98x78)cm	Cái	1	4.250,0	Cát Lái
	Tủ quần áo gỗ cao su, kích thước (220x40x90)cm	Cái	18	2.500,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ cao su, kích thước (106x37x210)cm	Cái	11	1.500,0	Cát Lái
	Giường gỗ cao su, kích thước (200x112x65)cm	Cái	3	1.200,0	Cát Lái
	Ghế sofa 1 chỗ, gỗ thông và ván ép bọc vải, đã nhồi đệm_hkc168 1-seater(w86xd84xh75cm)	Cái	18	109,1	QT SP-SSA (SSIT)
Ả Rập Xê út	Kệ tủ d647-76 (1905x711x398)mm, đã sơn (gỗ cao su,gỗ trầm,mdf,ván ép,ván pb)	Cái	7	98,8	ICD Phước Long
	Bàn gỗ :dán,dương,dẻ gai,sồi quecus alba,ván lạng, mdf (2134x2134x756mm)	Cái	1	1.413,5	KV.TP HCM
Achentina	Ghế sofa bọc nệm, gỗ cao su, ván ép , đã nhồi nệm, kích thước : (1575 x 890 x 940)mm	Cái	37	102,5	Cát Lái
	Tủ trang điểm 223213 dùng trong phòng ngủ , (1575*462*965)mm gỗ thông	Cái	28	100,1	QT SP-SSA (SSIT)
Ai Len	Ghế sofa-550010877-2250x990x860 mm, gỗ thông, cao su và ván ép	Cái	22	591,3	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi, thông- cti-ba2ovmr/mt -qcsp : (1800 x 1200 x 780 = 2200)mm	Cái	30	326,1	Cát Lái
	Kệ sách code:lc-035 (900 x320 x1800)mm. Gỗ sồi,thông+ mdf,veneer dùng trong phòng ngủ	Cái	10	130,0	Cát Lái
	Tủ gỗ thông + sồi (mã hàng-kst-wd02/kd)(1050x570x1980)mm	Cái	5	300,0	QT SP-SSA (SSIT)
	Giường btd010-60-l,(1910 x 2220 x 1250 mm), đồ gỗ sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi, gỗ thông và ván mdf	Cái	42	310,0	Gemalink
Anh	Giường gỗ sồi,thông jld-qb05h/v3p 2140 x 1650 x 1050 mm	Cái	32	570,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi,tần bì rq-ks07lr/v3p (1675 x 343 x 2000) mm	Cái	10	439,0	Cát Lái
	Ghế sofa 550016965-1850x930x820 mm,gỗ thông, cao su và ván ép	Cái	12	547,2	QT SP-SSA (SSIT)
	Tủ 500547-abs - (gỗ sồi, poplar, beech) (915x458x1676)mm, sử dụng trong phòng bếp	Cái	1	1.572,7	T.Hợp B.Đương
	Bàn 500530-62l-sbb - (gỗ poplar, beech) (1575x457x762)mm, sử dụng trong văn phòng	Cái	1	1.074,0	T.Hợp B.Đương
Australia	Bàn (gỗ sồi, poplar) 495306-110l-lma - (2792x1270x762)mm, sử dụng trong phòng bếp	Cái	1	2.062,0	Cát Lái
	Ghế sofa pensive 200 - fixed - range l1 gỗ sồi (w2000xd880xh780)	Cái	1	550,0	Cát Lái
	Kệ nell 160 console gỗ sồi 077-2602(w1600xd350xh750)	Cái	2	260,0	Cát Lái
	Giường gỗ sồi và sợi giấy đan, quy cách (211x191x98cm)	Bộ	20	478,7	Gemalink
	Tủ (2400x480x808) mm, gỗ sồi, mdf, veneer, dùng trong phòng khách	Cái	15	503,0	Gemalink
Bỉ	Ghế sofa 4-seater gỗ thông và ván ép, bọc vải, đã nhồi đệm, có chân và khung ghế gỗ sồi (oak), qc: 318*96*79 cm	Bộ	1	558,0	Cát Lái
	Giường gỗ dán, dương, dẻ gai fagus sylvatica,ván lạng,mdf,vải (2309x2291x1270mm)	Cái	1	1.554,2	Cát Lái
	Tủ gỗ óc chó (1300x550x520)mm	Cái	28	812,4	QT SP-SSA (SSIT)
Côtxta Rica	Tủ dùng trong phòng ngủ b697-31.25.2(gỗ cao su, ván mdf, ván pb, ván ép plywood) size 1661*457*1012mm, item b697-31	Cái	12	160,8	Cái Mép
	Bàn dài d769-35 (2520x1016x760)mm,đã sơn (gỗ cao su,ván mdf)	Cái	44	139,5	Cái Mép
	Ghế sofa phải (4080-rafl)bọc nệm ,ván ép gỗ dương,ván mdf (từ củi cao su) , size: 2290x1210x775mm	Cái	5	119,2	Cát Lái
Canada	Sofa khung gỗ birch, plywood bọc nệm, chân gỗ birch mã hàng: st-101 lobby banquette, kt: 102.5x26x44.5 inch	Cái	1	610,0	Cái Mép

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn (2100x1000x775) mm, gỗ óc chó, mdf, veneer, dùng trong phòng khách	Cái	19	398,0	Cái Mép
	Kệ redemption - 104 (104 x 30 x 219h) cm gỗ óc chó	Cái	30	279,0	Cái Mép
	Tủ gỗ óc chó + mdf k/t 900(l)x460(w)x1780(h)mm	Cái	17	485,0	QT Cái Mép
	Giường sc10960.aq599 (1630x585x1056mm) gỗ thông, ván ép	Cái	25	440,0	QT Cái Mép
Chilê	Tủ buffet redate gỗ sồi + mdf, kt: 1800 x 500 x 800 mm.	Cái	12	422,0	Cát Lái
	Bàn cà phê olima gỗ sồi + mdf, mặt kính cường lực, kt: 1500x1000x380 mm.	Cái	10	403,0	Cát Lái
	Kệ tv bienvenida mdf veneer sồi, chân gỗ tần bì (d.40xw.170x h.217cm)	Cái	20	220,0	Cát Lái
	Ghế sofa chữ l góc trái không tay vịn đã nhồi đệm, dùng trong phòng khách(có khung gỗ keo) kích thước : 92*211*72 cm	Cái	4	210,0	QT Cái Mép
Hà Lan	Giường gỗ cao su, mdf. Item: 3078454-7864-a2comx00. Size: 76.875*87.5*102". Dùng trong phòng ngủ	Cái	1	800,0	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi dùng trong phòng khách orlando - hb183n grey , qcsp: (1830 x 400 x 2300) mm	Cái	2	394,0	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi 1500 x 400 x 2120 (mm)	Cái	5	189,8	Cát Lái
	Bàn o-qone gỗ sồi , light oak v1.2 o-qone dining table, kt: 2800x1200x760mm	Cái	1	998,7	Gemalink
	Ghế được ván mdf kế hợp gỗ cao su 1300*430*500 mm	Cái	30	135,2	Gemalink
Hàn Quốc	Ghế sofa pensive 240 solid oak frame - fixed - range l2 gỗ sồi (w2400xd880xh780)	Cái	2	765,0	Cát Lái
	Bàn tilba pedestal 180 gỗ sồi đế chân sắt (w1800xd900xh750)	Cái	2	450,0	Cát Lái
	Kệ sách itely 1220x410x1700 mm, gỗ dương xẻ	Cái	11	332,0	Cát Lái
	Giường bed gss (w1120xd2170xh1105)mm, ván ép, gỗ cao su, gỗ walnut, veneer	Bộ	20	395,0	Cont Spitc
	Tủ 6 hộc kéo 7341-73-3 (1400 x 532 x 825)mm,(gỗ beech, gỗ óc chó,mdf,pb,ván lạng gỗ óc chó	Cái	81	450,0	Cont Spitc
Irắc	Tủ tv w5743-20 (2000x450x559)mm,đã sơn (gỗ cao su xẻ,gỗ dương,ván ép,ván mdf,ván pb)	Cái	6	160,5	Gemalink
	Bàn dài d769-35 (2520x1016x760)mm,đã sơn (gỗ cao su,ván mdf)	Cái	25	139,5	Gemalink
Ixraen	Tủ trang điểm b1495j d (76*25*48.5) inch, sử dụng trong phòng ngủ, gỗ cao su và ván mdf	Cái	14	299,0	ICD Phước Long
	Ghế gỗ sồi, có nệm bọc vải 30381-014 (750x2080x850mm)	Cái	5	369,1	QT SP-SSA (SSIT)
Kô-eot	Bàn 493380-92l-cwm - (gỗ trầm bông vàng, sồi, xà cừ) (2320x1168x762)mm, sử dụng trong phòng bếp	Cái	1	2.653,7	Cát Lái
	Tủ 492656-mah - (gỗ sồi, poplar, xà cừ) (1820x630x1002)mm, sử dụng trong văn phòng	Cái	1	1.634,4	Cát Lái
	Ghế 495196-bma-f200 - (có khung gỗ beech, đã nhồi nệm) (784x761x722)mm, nhãn hiệu jonathan charles	Cái	4	711,3	Cát Lái
Manta	Bàn bari dining gỗ bạch đàn 2800 x 1100 x 750mm.	Cái	2	253,9	Qui Nhơn
	Ghế 2 new croft gỗ bạch đàn 1780 x 810 x 705mm.	Cái	6	89,0	Qui Nhơn
Mexico	Bàn(2064x1099x749)mm gỗ cao su,gỗ dương,gỗ sồi,gỗ dẻ gai,ván mdf,ván lạng.(5375586)dùng trong phòng ăn	Cái	30	292,6	Cát Lái
	Ghế sofa bọc vải, khung gỗ thông đã nhồi nệm, quy cách: 2380*1180*680 mm	Cái	10	267,1	Cát Lái
	Giường nôi 7713473.qc:(1418x815x1200)mm, (gỗ dương, cao su xẻ, ván mdf)	Cái	30	357,2	Qt sp-ssa (ssit)
	Tủ quần áo gt6877-1823527.qc: (1422x464x821h)mm, (gỗ dương, beech xẻ, ván ép, mdf)	Cái	20	301,7	Qt sp-ssa (ssit)
	Kệ gỗ gt6985-3970558.qc:(1210*267*525h)mm,(gỗ dương,cao su xẻ,ván ép,mdf)	Cái	20	127,7	Qt sp-ssa (ssit)
Mỹ	Ghế có bọc nệm up-16 l benches (163 x 305 x 123 cm), gỗ oak	Cái	1	2.599,0	Cái mép
	Bàn (6096x1524x749)mm gỗ sồi, ván ép, inox, ổ cắm điện	Cái	1	3.969,0	Qt cái mép

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ con-101-cg qc 54 x 24.5 x90.5 inch , ván mdf, ván ép và gỗ sồi	Cái	2	3.519,0	Qt cái mép
	Giường sắt, ván mdf bạch dương, gỗ sồi, công năng: dùng trong phòng ngủ 154.5x85.25x48 inch, mã: rhus-blok3129-nfb-kin-a246	Cái	1	2.063,0	Qt sp-ssa (ssit)
	Kệ dùng trong phòng khách, mdf, veneer gỗ sồi 122*51*231 cm, 10233548blck rhg6100-0739	Cái	1	1.539,0	Qt sp-ssa (ssit)
Na Uy	Tủ gỗ sồi 30954-003(450x1800x490mm)	Cái	15	384,5	Gemalink
	Bàn gỗ sồi 10601-008 (740x2400x950mm)	Cái	15	324,5	Gemalink
	Ghế gỗ sồi 10607-007 (450x1800x420mm)	Cái	24	114,9	Gemalink
Nam Phi	Bàn sắt, gỗ sồi, 300x100x74 cm, mã: d8st-msmo1008-exl	Cái	1	881,0	Bà Rịa
	Ghế sắt, gỗ sồi, 220x85x81 cm, mã: lg-mdso159-swlt	Cái	1	688,0	Bà Rịa
	Kệ có gắn bánh xe sắt, gỗ sồi, 72.65x45.4x76.8 cm, mã: mebo131	Cái	2	380,0	Bà Rịa
	Tủ gỗ trầm dùng trong phòng khách mildura-bf03 (1600x450x580) mm	Cái	26	172,0	Cát Lái
New Zealand	Tủ gỗ sồi dùng trong phòng khách wes - wd03 / if , qcsp: (1380 x 570 x 1860) mm	Cái	8	311,0	Cát Lái
	Bàn ăn gỗ sồi, size:180x100x77cm	Cái	45	232,5	Cát Lái
	Ghế ondine plus 160 1-arm lhs - fixed - range f2 khung gỗ thông, chân sắt (w1600xd1100xh680)	Cái	2	380,0	Đồng Nai
Nhật Bản	Giường 2 tầng có học kéo và cầu thang đi kèm ln-1950(2170*1040*1500)mm,gỗ linh sam nkd,ván pw	Bộ	10	220,0	Cát Lái
	Bàn dt80107q- 20 gỗ sồi. Kích thước: 2000*850*715 mm	Cái	1	798,1	Cát Lái
	Ghế sofa ls85502r gỗ thông và gỗ sồi, có nệm bọc da, kích thước 1815*825*560mm	Cái	1	762,4	Cát Lái
	Tủ gỗ thông val-dr9/mt(1290 x 500 x 900) mm	Cái	5	371,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông ks05-bj -qcsp:(900 x 345 x 1800) mm	Cái	9	141,0	Cát Lái
Pháp	Ghế gỗ cao su bọc da bò caa25v02-3 (2000x940x760)mm.	Cái	2	1.122,1	Cát Lái
	Tủ gỗ thông khung sắt (1650 - 495 - 2000) mm - gld880 - 1487437	Cái	15	628,0	Cát Lái
	Giường (160x200) - sp gỗ sồi + mdf + thông fsc mix - sgshk-coc-370082 + khung sắt (1710 - 2076 - 905) mm	Cái	30	277,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông (1600x380x2050)mm, mã hiệu: 249001	Cái	88	174,0	Qt Sp-Ssa (Ssit)
	Bàn cố định fix table cordano gỗ teak fsc. (200 x 100 x 76)cm.	Cái	10	427,4	Qui Nhơn
Philippine	Bàn mã kmt 06o kích thước760x1800x750mm gỗ keo	Cái	40	96,8	Xanh Vip
	Ghế gỗ (ash, cao su, trầm) ghép, ván ép từ gỗ cao su, có nệm (1730x850x940)mm.	Cái	16	153,0	Tân Cảng
	Ghế gỗ trầm ghép,gỗ cao su ghép,ván mdf,ván ép từ gỗ cao su,có nệm. Mk02-hd kd 2s-sofa (mo) (1420x850x850)mm	Cái	6	85,0	Tân Cảng
Puerto Rico	Tủ 6 học kéo- gỗ sồi+thông+mdf+ván ép(2030-533-760)mm	Cái	20	390,0	Cát Lái
	Bàn dùng trong phòng ăn (ván mdf, gỗ cây dương,ván ép plywood, gỗ cao su) size 2438*1067*762mm, item 2743-4296	Cái	45	226,0	Cát Lái
	Giường king 2350k-1/2350k-2/2350-3,dùng phòng ngủ, gỗ trầm,ván ép, mdf,gỗ cao su 2000x76x1524mm	Cái	11	187,0	Cát Lái
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm, QC: 2300*870*730 mm	Cái	15	411,0	Gemalink
Singapore	Kệ creme 900*480*178mm - ray trượt, ván ép nk, đinh, ốc, vít, bánh lăn, sơn, gỗ cao su	Cái	5	321,0	Cát Lái
	Ghế linate có tay 510*580*842mm - vải, gỗ sồi, miếng đệm, gỗ sồi nk, đinh, ốc, vít, ván ép, sơn	Cái	7	106,5	Cát Lái
Sip	Bàn tròn ăn khung gỗ sồi, sơn màu tự nhiên (msp: at2522) qc: 100x100x76cm.	Cái	3	316,0	Cát Lái
	Đôn gỗ gỗ sồi sơn màu tự nhiên (msp: at2512) qc: 40x40x50cm.	Cái	3	179,5	Cát Lái
Tây Ban Nha	Bàn 200x91x75 cm, gỗ teak fsc	Cái	5	563,0	Qt Sp-Ssa (Ssit)
	Tủ gỗ sồi 30959-001(750x1800x470mm)	Cái	47	384,6	Gemalink

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Ghế 204x81x69.5 cm, gỗ teak	Cái	23	284,1	Gemalink
	Kệ gỗ sồi 10615-011 (2000 x 900 x 400mm)	Cái	40	161,4	Gemalink
Thái Lan	Kệ (1250x420x2100)mm - gỗ trầm	Cái	20	178,0	Cát Lái
	Ghế gỗ (ash,cao su, trầm) ghép, ván ép từ gỗ cao su, có nệm.(1730x850x940)mm.	Cái	5	165,9	Cát Lái
	Bàn fcvn209 furny-a180 (1800x1000x760)mm - gỗ trầm	Cái	30	155,0	Cát Lái
Thụy Điển	Ghế 3 sofa mã su11051-100-50 172n1669.3s kích thước 193*85*75cm, gỗ tếch	Cái	17	325,0	QT SP-SSA (SSIT)
	Bàn ăn mã su15713-100 39.26m511.t023, kích thước: 224*99*15cm , gỗ tếch	Cái	10	286,3	QT SP-SSA (SSIT)
	Tủ gỗ thông 1700mm x 900mm x 375mm	Cái	9	197,1	QT SP-SSA (SSIT)
Trung Quốc	Bàn jc494640-sal - (gỗ trầm, sồi, xà cừ) (1618x818x775)mm, sử dụng trong văn phòng	Cái	4	1.318,8	Cát Lái
	Tủ jr01-6033-01 - (gỗ poplar, beech) (654x511x1832)mm, sử dụng trong văn phòng	Cái	4	1.290,8	Cát Lái
	Ghế sắt, gỗ sồi, đã nhồi nệm, 2000x800x620 mm, mã: chl0005-07-593-08	Cái	10	1.287,0	Cát Lái
	Giường sắt, gỗ sồi, dùng trong phòng ngủ, 2164x1574x1155 mm, mã: bed0043-07-003-08	Cái	10	888,0	Cát Lái
Uzbekistan	Bàn tn-462-dtt/dtb,dùng phòng khách, gỗ trầm, ván ép,mdf, gỗ cao su 2845x1067x762mm	Cái	22	308,5	ICD Phước Long
	Tủ tn-465-ca-wo,dùng phòng khách, gỗ trầm, ván ép,mdf, cao su 1168x483x2261mm	Cái	17	295,0	T.Hợp B.Đương

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun tăng 59,4% về lượng

+ Camêrun là thị trường cung cấp gỗ lim lớn nhất cho Việt Nam chiếm tới 65,2% tổng lượng nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2025, đạt 60,9 nghìn m³, trị giá 22,2 triệu USD, tăng 59,4% về lượng và tăng 46,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

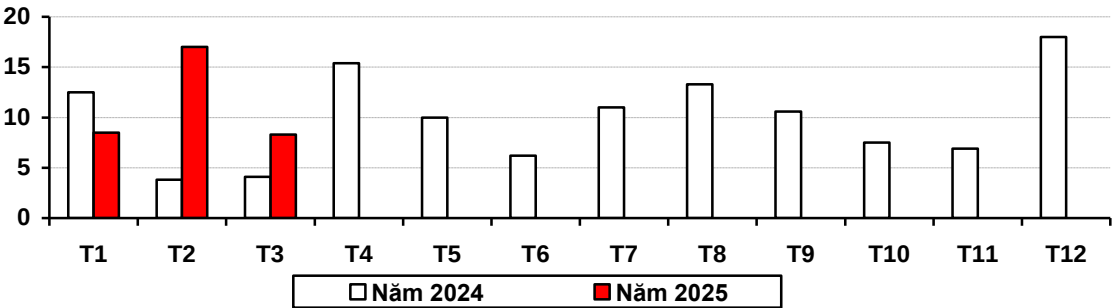
Tình hình nhập khẩu gỗ lim

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 4/2025 ước đạt 23,8 nghìn m³, trị giá 8,7 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 3/2025; tuy nhiên so với tháng 4/2024 giảm 43,5% về lượng và giảm 43,6% về trị giá.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 117,1 nghìn m³, trị giá 42,5 triệu USD, tăng 23,9% về lượng và tăng 18,4% về trị giá so với năm 2024.

Trị giá nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2024 – 2025

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Theo thống kê từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 3/2025 đạt 22,7 nghìn m³, trị giá 8,3 triệu USD, giảm 51,0% về lượng và giảm 51,2% về trị giá so với tháng 2/2025; nhưng so với tháng 3/2024 tăng 132,2% về lượng và tăng 101,2% về trị giá.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu mặt hàng này đạt 93,4 nghìn m³, trị giá 33,8 triệu USD, tăng 77,8% về lượng và tăng 65,0% về trị giá so với năm 2024.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ lim loại tròn đạt khối lượng 55,3 nghìn m³, trị giá 17,7 triệu USD, tăng 97,6% về lượng và tăng 87,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Nhập khẩu gỗ lim xẻ đạt 38,1 nghìn m³, trị giá 16,1 triệu USD, tăng 55,2% về lượng và tăng 45,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Chủng loại gỗ lim nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2025

Chủng loại	3 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ tròn	55.279	17.704	320,3	97,6	87,8	-5,0
Gỗ xẻ	38.056	16.090	422,8	55,2	45,5	-6,2

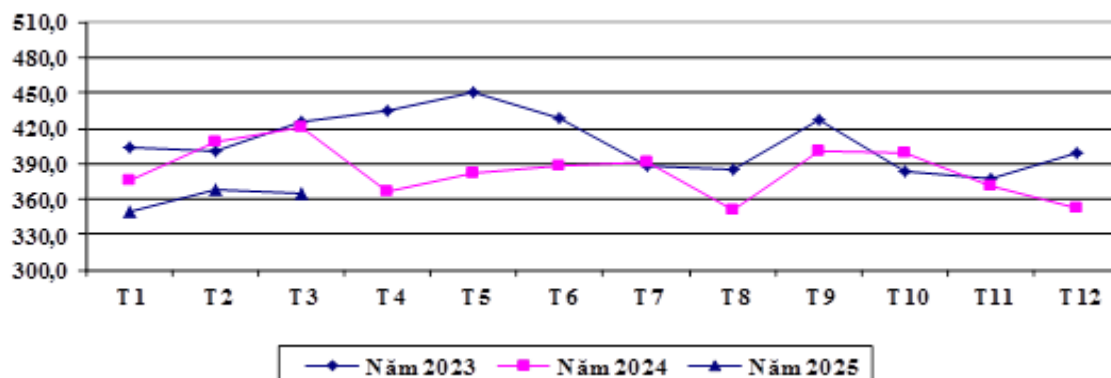
Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Về giá nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, giá trung bình nhập khẩu gỗ lim trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 362,0 USD/m³, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong đó, nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2024, xuống 365,4 USD/m³; từ Cônggô giảm 0,2%, xuống 401,6 USD/m³; từ Gabông giảm 2,6%, xuống 368,0 USD/m³; từ Nigieria giảm 16,7%, xuống 220,6 USD/m³...

Giá gỗ lim nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2023 – 2025 (ĐV: USD/m³)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Về thị trường nhập khẩu:

3 tháng đầu năm 2025, gỗ lim nhập khẩu về Việt Nam chủ yếu từ Camêrun và Cônggô, trong khi đó nhập khẩu từ các thị trường khác chiếm tỷ lệ thấp. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ lim từ thị trường Camêrun lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 60,9 nghìn m³, trị giá 22,2 triệu USD, tăng 59,4% về lượng và tăng 46,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chiếm tới 65,2% tổng lượng nhập khẩu.

Tiếp đến, nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Cônggô đạt 14,0 nghìn m³, trị giá 5,6 triệu USD, tăng 208,3% về lượng và tăng 207,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Nhập khẩu gỗ lim từ thị trường Nigieria đứng vị trí thứ 3, đạt 5,9 nghìn m³, trị giá 1,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

triệu USD, tăng 102,8% về lượng và tăng 69,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ lim từ một số thị trường khác tăng so với cùng kỳ năm 2024 như: từ Gabông tăng 118,2%; Equatorial Guinea tăng 963,0%; Gana tăng 52,6%...

Thị trường cung cấp gỗ lim cho Việt Nam 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	3 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	3 tháng năm 2025	3 tháng năm 2024
Tổng	93.356	33.799	362,0	77,8	65,0	-7,2	100,0	100,0
Camêrun	60.850	22.237	365,4	59,4	46,8	-7,9	65,2	72,7
Cônggô	13.987	5.617	401,6	208,3	207,8	-0,2	15,0	8,6
Nigiêria	5.889	1.299	220,6	102,8	69,0	-16,7	6,3	5,5
Gabông	4.167	1.533	368,0	118,2	112,4	-2,6	4,5	3,6
E.Guinea	1.823	823	451,3	963,0	2.360,0	131,4	2,0	0,3
Luxembua	1.647	560	339,8				1,8	0,0
Gana	1.178	362	307,6	52,6	68,6	10,4	1,3	1,5
Hồng Kông	1.166	344	294,9	133,2	64,9	-29,3	1,2	1,0
Li Băng	886	239	269,4	741,2	337,9	-47,9	0,9	0,2
Lào	741	435	586,9	-30,9	-45,4	-20,9	0,8	2,0
Trung Quốc	552	187	338,2	-11,1	-17,9	-7,6	0,6	1,2
UAE	305	94	309,8				0,3	0,0
Xâysen	86	46	536,9				0,1	0,0
Indonesia	34	11	315,0				0,0	0,0
Uganda	23	6	250,0				0,0	0,0
Ânggôla	21	6	279,9	-88,1	-84,4	30,8	0,0	0,3

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Quý I/2025, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ tăng mạnh

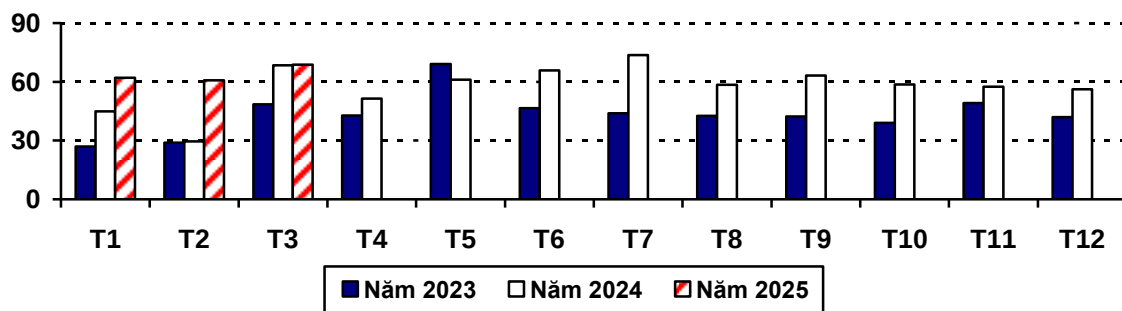
Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 3/2025 đạt 68,73 nghìn m³, với trị giá 29,97 triệu USD, tăng 13,2% về lượng và tăng 20,3% về trị giá so với tháng 02/2025; tăng 0,5% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt 191,47 nghìn m³, với trị giá 78,65 triệu USD, tăng 34,1% về lượng và tăng 28,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Theo dữ liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, Việt Nam là thị trường lớn thứ 4 trên thế giới về tiêu thụ gỗ tròn và gỗ xẻ của Mỹ, chiếm 7,7% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Mỹ trong năm 2024. Gỗ nhập khẩu về Việt Nam để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, đồng thời chế biến và xuất khẩu sang nhiều thị trường. Trong đó, nhiều sản phẩm sử dụng gỗ nguyên liệu từ Mỹ đã xuất khẩu quay trở lại thị trường này. Các chủng loại gỗ nhập khẩu từ Mỹ như sồi đỏ, sồi trắng, óc chó, thông vàng đang là nguyên liệu chủ lực chế biến đồ gỗ. Hiện Mỹ đang tìm cách giảm thâm hụt thương mại với các thị trường, thì việc Việt Nam tăng cường nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ được xem là một giải pháp chiến lược để hài hòa cán cân thương mại, giảm nguy cơ bị áp thuế và điều tra phòng vệ thương mại từ phía Mỹ đối với sản phẩm gỗ xuất khẩu.

Dự báo, nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu chất lượng cao từ các thị trường như Mỹ sẽ gia tăng để đáp ứng đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt là sang thị trường Mỹ - nơi tiêu thụ hơn 50% sản phẩm gỗ Việt Nam. Trong thời gian tới, để ứng phó với nguy cơ bị áp thuế,

ngành gỗ Việt Nam cần tiếp tục nâng cao sức cạnh tranh, chủ động thiết kế mẫu mã, tăng cường chuyển đổi số, nâng cao năng lực phòng vệ thương mại.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ
(nghìn m³)



Nguồn: Thống kê từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Chủng loại nhập khẩu chính:

Gỗ xẻ là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất từ Mỹ, nhưng thời gian gần đây nhập khẩu gỗ tròn tăng cao. Năm 2024, nhập khẩu gỗ tròn tăng 57,6% về lượng và 49,6% về trị giá, cao hơn mức tăng nhập khẩu gỗ xẻ là 20,2% về lượng và 29,2% về trị giá; và trong 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ tròn tiếp tục tăng cao. Cụ thể:

- **Gỗ xẻ:** Theo thống kê từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ trong tháng 3/2025 đạt 38,445 nghìn m³, với trị giá 20,69 triệu USD, tăng 30,7% cả về lượng và trị giá so với tháng 02/2025; nhưng giảm 12,1% về lượng và giảm 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ đạt 99,29 nghìn m³, với trị giá 53,01 triệu USD, tăng 8,7% về lượng và tăng 20,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Giá trung bình nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ trong tháng 3/2025 ở mức 538 USD/m³, giảm nhẹ 0,02% so với tháng 02/2025, nhưng tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, giá trung bình nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ ở mức 534 USD/m³, tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá nhập khẩu gỗ sồi tăng 16,2%, gỗ dương tăng 10,0%; ngược lại, giá gỗ trăn giảm 9,2%, óc chó giảm 4,4%, đoạn xẻ giảm 11,4%...

Tháng 3/2025, nhập khẩu 2 chủng loại gỗ xẻ lớn nhất từ Mỹ về Việt Nam đều tăng mạnh so với tháng 02/2025: Gỗ sồi tăng 38,8% về lượng và tăng 44,4% về trị giá; gỗ dương tăng 45,3% về lượng và tăng 48,0% về trị giá; ngoài ra nhập khẩu các chủng loại gỗ thông, gỗ thích cũng tăng mạnh. Ngược lại, nhập khẩu gỗ óc chó giảm 10,7% về lượng và giảm 8,9% về trị giá; gỗ đoạn xẻ giảm 20,4% về lượng; hồ đào giảm 87,7% về lượng và giảm 87,3% về trị giá...

Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ sồi xẻ tăng mạnh 22,6% về lượng và tăng 42,5% về trị giá, đạt 40,26 nghìn m³, với trị giá 27,93 triệu USD – là chủng loại gỗ xẻ được nhập khẩu nhiều nhất từ Mỹ. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu gỗ dương xẻ giảm 12,0% về lượng và giảm 3,2% về trị giá, đạt 32,91 nghìn m³, với trị giá 10,42 triệu USD.

- **Gỗ tròn:** Nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 3/2025 đạt 30,285 nghìn m³, với trị giá 9,28 triệu USD, giảm 3,0% về lượng, nhưng tăng 4,5% về trị giá so với tháng 02/2025; tăng 23,0% về lượng và tăng 13,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ đạt 92,14 nghìn m³, với trị giá 25,43 triệu USD, tăng 79,1% về lượng và tăng 46,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Giá trung bình nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 3/2025 ở mức 306

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

USD/m³, tăng 7,8% so với tháng 02/2025, nhưng giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, giá trung bình nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ ở mức 276 USD/m³, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá nhập khẩu hầu hết các chủng loại gỗ xẻ giảm: gỗ sồi giảm 10,0%, gỗ tần bì giảm 12,0%, gỗ óc chó giảm 20,3%, gỗ hồ đào giảm 15,5%... Ngược lại, giá trung bình nhập khẩu chủng loại gỗ tròn lớn nhất là gỗ thông tăng 14,4%.

Tháng 3/2025, nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ giảm nhẹ so với tháng 02/2025 chủ yếu là do nhập khẩu chủng loại lớn nhất là gỗ thông giảm mạnh 31,7% về lượng và giảm 28,4% về trị giá so với tháng 02/2025. Trong khi đó, nhập khẩu nhiều chủng loại gỗ tròn khác tăng: tần bì tăng 28,3% về lượng và tăng 48,4% về trị giá; dương tăng 20,4% về lượng và tăng 19,5% về trị giá; óc chó tăng 44,6% về lượng và tăng 23,5% về trị giá; hồ đào tăng 57,4% về lượng và tăng 40,2% về trị giá...

3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu hầu hết các chủng loại gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024: gỗ thông tăng 98,2% về lượng và tăng 126,7% về trị giá, gỗ sồi tăng 16,6% về lượng và tăng 5,0% về trị giá, gỗ tần bì tăng mạnh 757,5% về lượng và tăng 654,3% về trị giá, gỗ dương tăng 79,8% về lượng và tăng 117,9% về trị giá, gỗ óc chó tăng 50,9% về lượng và tăng 20,2% về trị giá...

Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2025

(Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 3/2025		So với tháng 02/2025 (%)		So với tháng 03/2024 (%)		3 tháng đầu năm 2025		So với 3 tháng năm 2024 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		68.730	29.974	13,2	20,3	0,5	1,1	191.473	78.648	34,1	28,1
Gỗ xẻ	Sồi	16.038	11.292	38,8	44,4	6,8	19,6	40.256	27.934	22,6	42,5
	Dương	12.521	3.977	45,3	48,0	-35,4	-29,7	32.914	10.419	-12,0	-3,2
	Trần	2.835	763	2,1	-6,2	17,3	8,2	7.865	2.257	24,8	13,3
	óc chó	2.207	2.541	-10,7	-8,9	-7,9	-13,6	6.041	6.825	3,8	-0,8
	Đoạn xẻ	899	526	-20,4	8,7	55,2	54,3	2.924	1.529	297,6	252,3
	Thông	1.493	368	187,5	205,1	805,5	787,2	2.846	692	112,2	148,3
	Thích	1.124	459	45,6	47,8	84,7	64,4	2.137	882	15,3	1,3
	Tần bì	551	307	5,7	-9,5	12,2	-7,9	1.553	950	49,4	50,9
	Hồ đào	88	33	-87,7	-87,3	-93,6	-96,6	962	358	-45,0	-73,4
	Anh đào	74	39	155,5	308,5	-64,9	-71,8	245	113	-39,5	-52,5
	Dẻ gai	48	19	-22,8	-12,3	54,9	101,0	111	40	255,5	330,3
	Cao su	36	9	-	-	-	-	36	9	-	-
	Tuyết tùng	0	0	-	-	-	-	33	26	-33,0	199,5
	Phong	0	0	-	-	-	-	32	23	-	-
	Loại khác	530	360	111,2	96,8	-8,4	-13,8	1.328	955	26,8	49,5
	Tổng	38.445	20.694	30,7	30,7	-12,1	-3,5	99.282	53.013	8,7	20,7
Gỗ tròn	Thông	9.353	1.115	-31,7	-28,4	-3,3	10,1	39.147	4.546	98,2	126,7
	Sồi	7.281	3.506	3,3	-3,8	-23,4	-29,6	20.848	10.254	16,6	5,0
	Tần bì	4.741	1.320	28,3	48,4	9.312,9	6.733,7	10.592	2.695	757,5	654,3
	Dương	2.939	768	20,4	19,5	31,7	59,1	8.470	2.180	79,8	117,9
	óc chó	3.068	1.661	44,6	23,5	71,1	33,1	6.588	3.622	50,9	20,2
	Hồ đào	1.794	509	57,4	40,2	55,2	41,7	3.649	1.067	72,0	45,4
	Thích	430	129	10,4	-27,4	441,7	184,2	910	340	232,4	115,8
	Anh đào	46	30	-32,6	-23,1	-	-	115	70	147,1	65,8
	Bạch đàn	81	25	-	-	-	-	108	27	-60,4	-31,7
	Tuyết tùng	32	28	-	-	-	-	32	28	-	-

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 3/2025		So với tháng 02/2025 (%)		So với tháng 03/2024 (%)		3 tháng đầu năm 2025		So với 3 tháng năm 2024 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
		520	188	-16,3	-13,6	2.430,7	2.159,8	1.678	604	440,9	388,7
	Tổng	30.285	9.280	-3,0	4,5	23,0	13,3	92.138	25.433	79,1	46,4

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt trị giá cao trong 3 tháng đầu năm 2025

Doanh nghiệp nhập khẩu	3 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)
CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	2.937	47,7
CTY TNHH NATURAL HARDWOOD LUMBER	2.391	332,6
CTY TNHH GỖ YONG SHUN JIA XING	2.184	39,2
CTY TNHH MTV GỖ SHENG HE (VIỆT NAM)	2.176	-10,5
CTY TNHH GỖ TÂN VĨNH NGHĨA BÌNH PHƯỚC	2.100	355,7
CTY TNHH MỸ LÂM	2.011	82,6
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ CẢNH LÂM VIỆT NAM	1.881	-
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP QUAN YU VIỆT NAM	1.819	89,8
CTY TNHH GỖ ZHONG LONG VIỆT NAM	1.675	-
CTY TNHH HAO YUAN WOOD	1.511	208,3
CTY TNHH KIM PHONG	1.409	404,8
CTY TNHH XINZE WOOD (VIỆT NAM)	1.379	-
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ANH QUÂN	1.303	28,7
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	1.289	108,2
CTY TNHH VÁN LẠNG MỎNG GHEP HÌNH NGHỆ THUẬT PRO-CONCEPTS	1.095	-32,8
CTY TNHH CERUBO	1.091	13,4
CTY TNHH STICKLEY INTERNATIONAL	1.090	120,9
CTY TNHH GỖ HẰNG VƯỢNG	1.089	-
CTY TNHH CHẾ BIẾN GỖ PHÚ SẴN	1.061	-13,1
CTY TNHH NT WOOD	962	64,6
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 2 (VIỆT NAM)	956	82,2
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐỒ MỘC VIỆT NAM	911	-56,2
CTY TNHH BẢO HƯNG	893	149,1
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	880	124,8
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	872	44,3
CTY TNHH GỖ SEN LI	780	-
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TIMSON	772	38,9
CTY TNHH SQUARE ROOTS	719	21,5
CTY TNHH IWOOD VIỆT NAM	707	-
CTY TNHH HẰNG VIỄN VIỆT NAM	699	2.013,7

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025

Trong kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 124,3 triệu USD. Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Mỹ, tiếp theo là Trung Quốc, Lào, Bỉ, Camêrun, Thái Lan...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

**Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu trong kỳ
từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025**

Thị trường	Kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025 (nghìn USD)
Tổng	124.275
Mỹ	39.823
Trung Quốc	36.932
Lào	5.238
Bỉ	3.956
Camêrun	3.342
Thái Lan	3.138
Papua New Guinea	2.832
Đức	2.518
New Zealand	2.147
Braxin	1.916
UruGuay	1.466
Slovenia	1.440
Chilê	1.430

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong kỳ từ ngày 22/4/2025 đến 6/5/2025

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ đục cần bờ tây xẻ thanh: 24mmx136mm x dài: 10-13.12 feet	7	255,9	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn đk: 25-64cm, dài 1.8-4.0m	204	300,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ bằng lăng xẻ dày trên 6mm	33	280,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ bình linh xẻ dày trên 6mm	36	300,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ bạch đàn xẻ sấy khô, dày: 21 x rộng: (165-174) x dài: 3050mm	5	279,7	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ, 17-100mm * 17-300mm * 900-6000mm	32	564,3	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ cao su xẻ 14mm x (50-63) mm x (1000-1100) mm	40	135,0	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ chò xanh xẻ dày trên 6 mm	19	300,0	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ dương xẻ (dài: 6->14), (rộng: 3->14), (dày: 5/4)	38	271,3	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ Qc: (1800-2600x120-300x25) mm-(2000-2600x120-300x32) mm	114	265,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ dổi xẻ, rộng: (29-102) cm, dày: (9-97) cm, dài: (190-560) cm	96	240,0	Camêrun	Định Vũ	FOB
Gỗ dẻ gai tròn đk từ 40cm, dài từ 3m	22	196,4	Bỉ	Cảng xanh	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (26*80-400*1500-4300) mm	30	520,0	Ba Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ dẻ gai xẻ (26mm*23.8cm-31.5cm*2.5m-3m)	32	333,4	Pháp	Cảng Vict	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (26x100-upx2000-3600) mm	58	283,6	Đức	Cát Lái	CFR
Gỗ gồ xẻ rộng từ 23-105 cm, dày từ 21-87 cm, dài từ 190-560 cm	93	330,0	Camêrun	Định Vũ	FOB
Gỗ gồ xẻ, dài: 60cm, rộng: 10cm, dày: 8cm	100	220,0	Kenya	Hải An	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.00 - 2.25m, rộng từ 0.18 - 0.45m, dày từ 0.04 - 0.11m	22	252,1	Nambia	Nam Hải	C&F
Gỗ hương dài: 5.1m-11.8m, đk: 86Cm-100Cm	33	451,7	Cônggô	Định Vũ	C&F
Gỗ hương xẻ dọc L (60-200) cm x W (25-85) cm x H (2-25) cm	23	170,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hồ đào xẻ QC: (2-20) inch*(4-16) feet*1inch	26	360,2	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ hoàng dương vàng đk (30.48-78.74) cm, D:(2.13-5.49) m	266	176,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ hoàng dương xẻ - 4/4 (độ dày 25.4mm, dài: 1.22m-4.88m)	38	370,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim đk từ 53-110cm. dài từ 5.2-11.7m	289	376,4	Cônggô	Định Vũ	CFR
Gỗ linh sam xẻ sấy, KT:38mm x 89mm*1920/2.438m	16	168,0	Canada	Cảng xanh	CFR
Gỗ linh sam xẻ, sấy (22-75x125-175x3300-6000mm)	278	412,5	Phần Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ mít đã xẻ dài từ 800-4560mm, dày 50-420mm, rộng 60-560mm	45	201,6	Indonesia	Hải Phòng	C&F
Gỗ sồi đỏ tròn đk: (33.02-68.58) cm, dài: (2.44-5.2) m	76	258,3	Mỹ	Cái mép	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ sồi trắng xẻ (dài: 2000-2700mm, rộng:100+mm, dày: 32mm)	55	546,0	Bungari	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ sấy - 26mm	22	524,7	Ba Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày 26 mm, dài 1,000 - 4,880 mm	28	254,2	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày 26mm x 100mm x 2m	25	542,7	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì trắng tròn đk:(10-18) inch, dài:(7-16) feet	105	180,0	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-65) cm, dài (3.3-11.5) m	81	150,0	Bỉ	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì tròn đk: (25+) cm, dài (3.0+) m	319	200,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (30+) cm, dài (3.0+) m	138	200,0	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (34-62) cm; dài (380-1160) cm	99	250,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk:(31-69) cm, dài: (3-9) m	110	200,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 2.8m, đk 30cm	154	229,1	Pháp	Hải An	CIF
Gỗ tần bì tròn dài từ 2.5-8.5m đk từ 29-70Cm	162	220,0	Ba Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ sấy (dày 32mm, dài 1,8m->4,2m, rộng 10cm	26	496,4	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông vàng xẻ- (22mm * 75 mm-195 mm * 2 -4.5 m)	42	250,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (1950-2000 x 59 x 34.5 mm)	500	340,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ thông xẻ 50 mm*100-250mm*(2.4-6.0) m	88	230,0	New Zealand	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ 38mm x 89mm*36480/2.438m	301	168,0	Canada	Cảng xanh	CFR
Gỗ thông xẻ sấy 15mm x 100mm x 1800mm	200	155,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 16-45 x 75-215 x 1530-4880 mm	80	200,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 17mm x 95-145mm x 2440-4880mm	90	214,0	Côtxta Rica	Cát Lái	FOB
Gỗ thông xẻ sấy 19/28mm x150 up mm x 2440 mm	132	185,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 50mm x 150mm x 3.50m	4	244,9	Urugoay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 15mm	51	155,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ (25.4*80-300*1400-3600) mm	100	725,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ, dài: 8-10 feet, rộng: 3+ inch, dày: 4/4	48	228,8	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ tròn bạch đàn đk TB 30cm, dài 5m	163	155,0	Urugoay	Bình Định	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk trung bình từ 25cm-29.75cm, dài từ 2,8m-4.8m	6	200,1	Nam Phi	Bình Định	CIF
Gỗ tuyết tùng đk 34~50cm, dài 4m	55	153,6	Nhật Bản	Cát Lái	CFR
Gỗ tuyết tùng xẻ- 44.50-95.20x94.81-285.75 x 609.60-1956.00 (mm)	92	180,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam dày 38mm	131	275,0	Látvia	Cont Spitc	CPT
Gỗ vân Sam xẻ (22 x 100 x 3300 - 5100) mm	195	280,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ sấy KT: 38mm x 89mm*1920/2.438m	16	168,0	Canada	Cảng xanh	CFR
Gỗ xoan đào dài =220 - 500cm, rộng =40 - 73cm, dày 39 - 65cm	139	300,0	Cônggô	Định Vũ	C&F
Gỗ xoan đào xẻ, rộng từ 15 cm, dày từ 16 cm, dài từ 230 cm	24	240,0	Camêrun	Định Vũ	FOB
Ván dăm - (1220x2440x18) mm	195	140,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván dăm (12 & 15 x 1220 x 2440) mm	147	162,5	Indonesia	Cát Lái	CFR
Ván MDF (17 x 1830 x 2440) mm	200	166,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván MDF (18 mm x 1220 mm x 2440 mm)	72	240,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F

(Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan)

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 15/4/2025 đến 6/5/2025)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 15/4/2025 đến 6/5/2025 đạt 51,59 triệu USD, tăng mạnh 40,8% so với kỳ trước (từ 01/4/2025 đến 15/4/2025). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 34,02 triệu USD, tăng 35,9%; lục bình đan đạt 6,49 triệu USD, tăng 52,6%; cói đan đạt 2,83 triệu USD, tăng 37,1%; tre đan đạt 2,74 triệu USD, tăng 52,6% và mây đan đạt 2,61 triệu USD, tăng 51,4%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang hơn 60 thị trường. Một số thị trường đạt kim ngạch cao trong kỳ như: Mỹ đạt 25,99 triệu USD, tăng 62,9% so với

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

kỳ trước; Nhật Bản đạt 3,37 triệu USD, tăng 52,7%; Anh đạt 2,57 triệu USD, tăng 12,8%; Tây Ban Nha đạt 2,29 triệu USD, giảm 12,6%; Ấn Độ đạt 2,0 triệu USD, tăng 15,9%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Quầy tre BAMBAR (160x60xH120/230 cm), xuất khẩu sang thị trường Đan Mạch có giá 260,0 USD/cái (FOB cảng Gemalink); bộ xe kéo Cantine, bằng tre, được sơn màu đen và phụ kiện, kích thước thùng xe 1496x770x130mm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 214,7 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép); thảm làm từ cối, bèo PFAR04 kích thước 300 x 200 cm, xuất khẩu sang thị trường Đức có giá 115,0 USD/cái (FOB cảng Hải Phòng); lọ tre (bộ 3) D28xH70 cm, D32xH80 cm, D38xH90 cm, xuất khẩu sang thị trường Hà Lan có giá 83,6 USD/bộ (FOB cảng Gemalink)...

Một số lô hàng mây, tre, cối, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Quầy tre BAMBAR (160x60xH120/230 cm)	Cái	3	260,0	Gemalink
	Bàn tre BAMTABLE150X35 (150x150xH35 cm)	Cái	10	97,7	Gemalink
	Giường tre BAMBED (210x80xH36 cm)	Cái	120	75,0	Gemalink
	Ghế tre BAMMODULE (72x76xH70 cm)	Cái	80	48,0	Gemalink
	Chậu cây đan bèo tây (bộ 3) D49xH51.5 cm; D34xH36 cm; D25xH27 cm	Bộ	100	14,5	Đình Vũ Nam Hải
	Sọt đựng đồ đan bèo tây (bộ 2) 30x20xH42 cm; 26x14xH38 cm	Bộ	200	13,5	Đình Vũ Nam Hải
	Giỏ tre, mã VIN-D30.1, kích thước Dia 20x H25 cm	Cái	60	10,1	Hải Phòng
Đức	Thảm làm từ cối, bèo PFAR04 kích thước 300 x 200 cm	Cái	10	115,0	Hải Phòng
	Rương lục bình, kích thước: 57x39x55/(43x32x23/ 39x28x19/ 35x25x15 cm) x2 (1 bộ = 7 cái)	Bộ	10	56,0	Cát Lái
	Giỏ lục bình bộ 6 cái, kích thước: 54x44x40/ 48x38x36/ 42x32x32/ 36x26x28/ 34x24x18/ 29x19x15 cm	Bộ	10	52,0	Cát Lái
	Rương lục bình bộ 3 cái, kích thước: 70x44x45/ 60x36x40/ 50x30x35 cm	Bộ	80	46,6	Cát Lái
	Ghế tre có nệm, quy cách: 70x70x65 cm	Cái	162	37,3	Gemalink
	Đĩa treo tường 29262 bằng cối bèo, kích thước: 50x50x2 cm	Cái	80	23,0	Gemalink
	Bàn tre, quy cách: 55 x 65 x 30 cm	Cái	100	14,7	Gemalink
Anh	Bộ 4, tấm lót tre D30 cm x4	Bộ	100	11,9	Hải Phòng
	Sọt lục bình bộ 5 (A,B,C,D,E: 45 x 45 x 64) cm	Bộ	320	41,5	Cát Lái
	Thùng cối có nắp bộ 3. KT: D36/42xH24; D27/32xH20; D19/24xH16cm	Bộ	75	18,9	Lạch Huyện
	Lồng đèn mây 661914, kích thước D50/45xH42 cm	Cái	300	17,9	Tân Vũ
	Mành trúc (CRANES) kích thước: 90x200 cm	Cái	102	15,4	Cát Lái
	Giá đựng bánh tre D40xH16 cm	Cái	300	15,0	Tân Vũ
	Đèn treo đan cối 51x51xH26 cm	Cái	380	12,9	Đình Vũ Nam Hải
Australia	Chao đèn đan cối 51x51xH26 cm	Cái	200	12,9	Đình Vũ Nam Hải
	Thùng giặt 2 ngăn (làm bằng lục bình đan và gỗ trầm) (57x35x60cm)	Cái	40	28,5	Gemalink
	Ghế tre bộ 2 - 42011324, kích thước W58xD48x89cmH	Bộ	90	23,8	Quy Nhơn
Canada	Giỏ lục bình bộ 2, size L: 43x24xH24/42 cm; size S: 38x20xH22/38 cm	Bộ	2.322	11,4	Phước Long
	Tấm lót thảm trải sàn bằng Cotton, kích thước: 190x80cm	Cái	15	55,0	Cái Mép
	Hộp khay trai cốt tre, kích thước: 37 x 15 x 20 cm	Cái	30	29,2	Hải Phòng
	Khay khay trai cốt tre, kích thước: 55 x 25 x 23 cm	Cái	30	25,2	Hải Phòng
	Trụ khay trai cốt tre, kích thước: 35 x 35 x 30 cm	Cái	30	24,1	Hải Phòng
	Đôn bèo 11003788, kích thước đường kính 45 x cao 43 cm	Cái	200	20,6	Lạch Huyện
	Giỏ đan lục bình bộ 3 mã VT2304C (57 x 46 x 62 cm)	Bộ	160	18,9	Gemalink
	Vỏ phích khay trai cốt tre, kích thước: 7 x 15 x 30 cm	Cái	30	18,1	Hải Phòng
	Nhà bèo 11003700, kích thước dài 46 x rộng 38 x cao 34/36 cm	Cái	240	15,0	Lạch Huyện
Ấn Độ	Túi tre TL05, kích thước: Phi 40 x 5cm	Cái	100	10,2	Hải Phòng
	Bộ 3 chao đèn tre D35xH25cm/D50xH30cm/D60xH40 cm	Bộ	146	37,9	Nam Đình Vũ
	Bộ 2 khay tre chữ nhật, kích thước 50x33xh5 và 60x40xh5 cm	Bộ	50	23,5	Hải Phòng
	Chao đèn tre D39x120 cm	Cái	50	14,9	Nam Đình Vũ
Hà Lan	Giỏ cối 47x47x51 cm	Cái	50	14,1	Nam Đình Vũ
	Lọ tre (bộ 3) D28xH70 cm; D32xH80 cm; D38xH90 cm	Bộ	15	83,6	Gemalink

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Bàn tre (bộ 2) D47xH52 cm; D35xH45 cm	Bộ	180	41,0	Gemalink
	Chậu cây tre (bộ 3) 38x38xH38 cm; 32x32xH32 cm; 26x26xH26 cm	Bộ	20	39,0	Gemalink
	Giỏ bèo tròn lót nylon, kích thước: 58x58x60 cm	Bộ	45	38,3	Gemalink
	Sọt lục bình, nguyên liệu bằng cây lục bình, D58*H49 cm, D44*H45 cm	Bộ	39	26,8	Cát Lái
	Rương tre, quy cách 110x52x55cm	Cái	279	22,5	Cát Lái
Hàn Quốc	Chiếu cỏi/Sedge mats (160 x 220cm)	Cái	100	16,5	Cảng Xanh
	Bát tròn đan bằng mây; kích thước: Dia26/22/20 x H10 cm	Bộ	108	13,8	Green Port
	Chiếu cỏi/Sedge mats (140 x 190cm)	Cái	60	12,5	Cảng Xanh
Mỹ	Bộ xe kéo Cantine, bằng tre, được sơn màu đen và phụ kiện, kích thước thùng xe 1496x770x130mm	Bộ	10	214,7	Cái Mép
	Chậu cây tre gắn khảm trai (bộ 3) 38x38xH38 cm; 32x32xH32 cm; 26x26xH26 cm	Bộ	20	61,2	Lạch Huyện
	Thùng cỏi 81.5 x 35.5 x H42cm	Cái	180	58,0	Gemalink
	Bàn sơn mài khảm trai, kích thước: 76x76x42 cm	Cái	105	56,9	Cảng Xanh
	Giỏ đan lục bình bộ 8 (75 x 41 x 63 cm)	Bộ	51	46,5	Gemalink
	Bàn tre D45xH56.2 cm	Cái	90	36,9	Cảng Xanh
	Bộ 8 sọt oval đan lục bình, kích thước: 57x48x32cm	Bộ	140	32,2	Cái Mép
	Đèn khung thép đan mây 50x50xH151.6cm; Chân đèn: 40x40xH111 cm; Chao đèn: D50/D50xH111cm	Cái	50	29,7	Lạch Huyện
Nhật Bản	Chậu tre vuông bộ 3, kích thước: (23x23, 19x19, 15x15) cm	Bộ	300	18,8	Tân Vũ
	Tấm lưới xơ dừa, dùng để trải trên mặt đất, KT: W 1,020mm x L 10,400mm	Cái	360	9,9	Cái Mép
Pháp	Gương mây, kích thước: 120x72xH3.5 cm	Cái	200	81,3	Tân Vũ
	Sọt cỏi (D31/42xH39/60/70) cm	Cái	800	27,3	Tân Vũ
	Xe đẩy mây (55x34xH23/45) cm	Cái	500	22,3	Tân Vũ
	Đôn đan mây D42xH47 cm	Cái	28	22,0	Tân Vũ
	Hộp chữ nhật bằng cỏi, kích thước L100xW42xH48 cm	Cái	150	20,8	Tân Vũ
	Giỏ cỏi tròn D45xH58 cm	Cái	550	19,2	Tân Vũ
	Trang trí tường đan mây 60x4xH118 cm	Cái	700	18,5	Lạch Huyện
	Kệ nhiều tầng đan mây 35x30xH50 cm	Cái	364	16,6	Tân Vũ
Tây Ban Nha	Thảm bèo D180 cm	Cái	20	25,2	Lạch Huyện
	Chụp đèn cỏi, kích thước D14.5/22.5/15.5 x H28/32.5 cm	Cái	132	16,5	Lạch Huyện
	Giỏ mây hình vuông 30 X 30 x H18.5 cm	Cái	104	14,4	Lạch Huyện
UAE	Bộ bàn ghế sofa bằng tre (1 bộ gồm 3cái: 1ghế sofa đơn tre có nệm quy cách: 65x70x60 cm, 1ghế sofa đơn tre có nệm quy cách: 65x65x30 cm, 1 bàn tre quy cách: 65x65x30 cm)	Bộ	40	58,7	Cát Lái
	Bộ ghế sofa bằng tre (1 bộ gồm 2 cái: 1ghế sofa đơn tre có nệm quy cách: 70x70x60 cm, 1ghế sofa đơn tre có nệm quy cách: 65x70x60 cm)	Bộ	40	50,9	Cát Lái
	Giỏ bèo tự nhiên 45x25xH35cm	Cái	350	10,6	Hải Phòng

(Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

**Hiệp hội những nhà xuất khẩu nội thất Pháp yêu cầu
hành động khẩn cấp
chống cạnh tranh không lành mạnh**

Theo nguồn interiordaily.com, Hiệp hội những nhà xuất khẩu nội thất Pháp (Ameublement français) đang lo ngại về việc thiếu hỗ trợ cho ngành đồ nội thất đang gặp khó khăn. Hiệp hội nhấn mạnh rằng trong khi các nhà sản xuất trong nước tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt, thì thị trường ngày càng tràn ngập các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ và các sản phẩm này thường bỏ qua các quy định và gây nguy hiểm cho sự an toàn của người tiêu dùng.

Hiện nay, 2/3 đồ nội thất được bán ở Pháp là hàng nhập khẩu, phần lớn không được kiểm soát đầy đủ và chất lượng kém. Làn sóng này, chủ yếu do các nhà nhập khẩu quốc tế và các nhà bán lẻ trực tuyến trang trí nhanh như Shein và Temu thúc đẩy, điều này tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh và làm suy yếu các nhà sản xuất địa phương. Vì vậy, Hiệp hội yêu cầu Nhà nước thực thi luật pháp một cách bình đẳng đối với tất cả các bên tham gia.

Thuế suất cao buộc ngành công nghiệp đồ nội thất của Trung Quốc phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và nâng cấp trong dài hạn

Theo nguồn globalwood.org, với mức thuế quan sẽ làm giảm đáng kể sức cạnh tranh của đồ nội thất Trung Quốc tại thị trường Mỹ.

Thuế suất cao đã dẫn đến việc hủy bỏ hoặc hoãn lại một số đơn hàng buộc các doanh nghiệp phải đối mặt với lượng hàng tồn kho lớn. Tồn kho quá mức làm suy yếu dòng tiền của doanh nghiệp.

Ngành công nghiệp đồ nội thất có chu kỳ sản xuất dài do chuỗi vốn chặt chẽ. Thường mất 3 đến 6 tháng từ khi mua nguyên liệu thô đến khi xuất xưởng thành phẩm. Trong bối cảnh đơn hàng giảm và tồn kho quá mức, chu kỳ thu hồi của doanh nghiệp đã kéo dài và nguy cơ chuỗi vốn bị phá vỡ đã tăng mạnh.

Tác động của thuế quan không chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp xuất khẩu mà còn lan rộng ra toàn bộ chuỗi ngành công nghiệp đồ nội thất. Các doanh nghiệp thượng nguồn và hạ nguồn như nhà cung cấp nguyên liệu thô, công ty hậu cần và công ty thiết kế cũng bị ảnh hưởng mạnh.

Mức thuế quan đối ứng của Mỹ nhằm thúc đẩy sự phục hồi của ngành sản xuất trong nước tại Mỹ. Tuy nhiên, người tiêu dùng Mỹ đang phải gánh chịu chi phí của việc tăng thuế quan. Do sự thay đổi chuỗi cung ứng và chi phí sản xuất tăng cao, giá đồ nội thất tại thị trường Mỹ nói chung đã tăng, với giá bán lẻ của một số đồ nội thất tầm trung đến thấp tăng hơn 20%.

Thuế suất cao buộc ngành công nghiệp đồ nội thất của Trung Quốc phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và nâng cấp trong dài hạn. Trước đây, đồ nội thất Trung Quốc chiếm thị phần nhờ chi phí thấp và sản lượng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và đa dạng hóa thị trường sẽ trở thành chìa khóa thành công của ngành công nghiệp đồ nội thất.

THAM KHẢO

Thông báo về việc triển khai cấp C/O mẫu A, C/O mẫu B, C/O không ưu đãi theo quy định của nước nhập khẩu, C/O mẫu GSTP, CNM và tiếp nhận đăng ký mã số REX

Thực hiện Quyết định số 1103/QĐ-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương thông báo về việc triển khai cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu A, C/O mẫu B, C/O không ưu đãi theo quy định của nước nhập khẩu, C/O mẫu GSTP, Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) và tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa (mã số REX) theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Na Uy và Thụy Sĩ như sau:

1. Từ ngày 05 tháng 5 năm 2025, việc cấp các loại C/O mẫu A, C/O mẫu B, C/O không ưu đãi theo quy định của nước nhập khẩu, C/O mẫu GSTP, CNM và tiếp nhận đăng

ký mã số REX được thực hiện tại các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực (Phòng QLXNKKV) theo danh sách tại Phụ lục I đính kèm.

2. Về quy trình đăng ký tài khoản:

a. Đối với thương nhân chưa có tài khoản tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (Hệ thống eCoSys): Thương nhân thực hiện theo quy trình đăng ký tài khoản mới tại Phụ lục II và đăng ký dịch vụ công tại Phụ lục III đính kèm để khai báo C/O trực tuyến.

b. Đối với thương nhân đã có tài khoản tại Hệ thống eCoSys: Thương nhân tiếp tục sử dụng tài khoản đã có.

3. Về quy trình khai báo C/O mẫu B điện tử: Thương nhân thực hiện theo hướng dẫn khai báo tại Phụ lục IV và hướng dẫn nộp phí tại Phụ lục V đính kèm (tương tự quy trình đang áp dụng đối với các mẫu C/O ưu đãi).

4. Về quy trình khai báo C/O mẫu A, C/O không ưu đãi theo quy định của nước nhập khẩu, C/O mẫu GSTP, CNM: Thương nhân nộp hồ sơ và nộp phí theo hướng dẫn tại các Phòng QLXNKKV.

5. Về quy trình đăng ký mã số REX: Thương nhân thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục VI đính kèm.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị liên hệ Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương, điện thoại: (024) 2220 2468; email:xnk-xxhh@moit.gov.vn để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương thông báo để thương nhân đề nghị cấp C/O, các cơ quan, tổ chức liên quan biết và thực hiện.

Mời doanh nghiệp tham dự Hội chợ thương mại Việt - Lào 2025

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2025, Cục Xúc tiến thương mại tổ chức Hội chợ thương mại Việt – Lào 2025 (VIETLAOEXPO 2025), cụ thể như sau:

1. Thời gian (dự kiến): Từ ngày 17 đến ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Địa điểm: Trung tâm Hội nghị và Triển lãm quốc tế (Lao-Itecc), thủ đô Viêng Chăn, Lào.

3. Quy mô: 200 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m), trong đó Khu gian hàng Việt Nam khoảng 120 gian hàng của các doanh nghiệp, đơn vị trưng bày và giới thiệu sản phẩm, dịch vụ.

4. Mục tiêu: Quảng bá hình ảnh quốc gia, hình ảnh doanh nghiệp, thương hiệu Việt; Tăng cường xuất khẩu các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh và khả năng phát triển thị trường xuất khẩu tại Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; Tổ chức mạng lưới tiêu thụ hàng hóa tại thị trường Lào; Phát triển các dự án đầu tư tại Lào.

5. Ngành hàng: Nông sản thủy sản và thực phẩm chế biến, may mặc - thời trang, điện - điện tử và điện gia dụng, máy và thiết bị công nghiệp, xây dựng và vật liệu xây dựng, **đồ gỗ và thủ công mỹ nghệ**, hàng tiêu dùng, dược phẩm và thiết bị y tế, dịch vụ thương mại, đầu tư ...

6. Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp, đơn vị thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành và các tổ chức xúc tiến thương mại (các Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh/ thành phố, Hiệp hội ngành hàng), sau đây gọi tắt là doanh nghiệp.

7. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp: Các doanh nghiệp có năng lực sản xuất, kinh doanh mặt hàng có khả năng cạnh tranh, có năng lực xuất khẩu, sản phẩm có mẫu mã và chất lượng phù hợp với thị trường Lào, nhân sự tham gia đoàn có khả năng nghiệp vụ tham gia Hội chợ quốc tế.

8. Chi phí

a) Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình: 100% chi phí gian hàng; 100% chi phí trang trí tổng thể khu trưng bày của doanh nghiệp Việt Nam tại Hội chợ; 100% chi phí liên quan đến thông tin tuyên truyền xuất khẩu, mời khách đến tham quan và giao dịch tại Hội chợ.

Lưu ý: căn cứ ngành hàng ưu tiên, mỗi doanh nghiệp tham gia chương trình được hỗ trợ tối đa 04 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m = 9m²).

b) Chi phí doanh nghiệp phải chịu khi tham gia chương trình:

- 100% các chi phí xuất nhập cảnh và lưu trú trong thời gian Hội chợ; 100% chi phí liên quan đến hàng hóa như: các loại thuế về hàng hoá khi tham gia Hội chợ, chi phí gửi hàng...;

- Chi phí dịch vụ tổ chức tham gia Hội chợ: 3.000.000 đồng/gian hàng (đã bao gồm VAT). Cục Xúc tiến thương mại sẽ thông báo hình thức thanh toán sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia của doanh nghiệp.

9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp khi tham gia chương trình

- Hoàn thành hồ sơ đăng ký tham gia chương trình (theo hướng dẫn), nghĩa vụ về tài chính và thực hiện nghiêm chỉnh nội quy và quy định của Ban tổ chức Đoàn;

- Sau khi kết thúc Hội chợ, trong vòng 15 ngày các doanh nghiệp tham dự Hội chợ phải gửi báo cáo kết quả (theo mẫu) về Cục Xúc tiến thương mại;

- Đối với các doanh nghiệp không được lựa chọn tham gia chương trình, Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu - Cục Xúc tiến thương mại sẽ hoàn trả chi phí “dịch vụ tổ chức tham gia Hội chợ” cho các doanh nghiệp này trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được công văn đề nghị hoàn tiền đặt cọc của doanh nghiệp.

10. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký tham gia chương trình

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sao y bản chính, đóng dấu đơn vị);

- Đơn đăng ký tham gia (mẫu 01 đính kèm);

- Thông tin Giới thiệu Doanh nghiệp (mẫu 02 đính kèm);

- Cam kết tham gia chương trình (mẫu 03 đính kèm);

- Danh sách nhân sự (mẫu 04 đính kèm)

Lưu ý: Doanh nghiệp khi đăng ký tham gia, gửi thêm 01 bản mềm Hồ sơ tham dự về địa chỉ: thanglm.vietrade@gmail.com; nguyenlanquynh.vietrade@gmail.com (gửi kèm theo 01 ảnh logo doanh nghiệp và 03 ảnh sản phẩm để giới thiệu trên catalogue của Hội chợ).

11. Thời hạn đăng ký tham gia: Trước ngày 15 tháng 6 năm 2025.

.vietrade@gmail.com Do số lượng gian hàng có hạn, Cục Xúc tiến thương mại sẽ thông báo chính thức tới các doanh nghiệp sau khi danh sách các doanh nghiệp tham gia được phê duyệt.

Các đơn vị quan tâm đề nghị gửi hồ sơ đăng ký tham gia về:

Cục Xúc tiến thương mại

Địa chỉ: số 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 39364792 (122)

Người liên hệ: anh Lương Minh Thắng (ĐD: 0966889366)/chị Nguyễn Lan Quỳnh (ĐD: 0947687588);

Email: thanglm.vietrade@gmail.com; nguyenlanquynh.com/.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **44/GP-XBBT** do Cục Báo chí – Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**